



VIPRI
VIỆN KHOA HỌC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA DOANH NGHIỆP

TS. NGUYỄN HỮU CẨN

HÀ NỘI, tháng 6/2020

MỤC LỤC

TÀI SẢN TRÍ TUỆ LÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG CỦA DOANH NGHIỆP	3
TÀI SẢN TRÍ TUỆ, QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?	4
Sản phẩm sáng tạo khoa học - kỹ thuật	4
Sản phẩm sáng tạo văn học, nghệ thuật	4
Sản phẩm sáng tạo kinh doanh, thương mại	4
Quyền tác giả	5
Quyền liên quan đến quyền tác giả	5
Quyền sở hữu công nghiệp	5
Quyền đối với giống cây trồng	5
VÌ SAO CẦN QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ MỘT CÁCH CÓ CHIẾN LƯỢC?	5
Tài sản trí tuệ có bản chất vô hình	5
Tài sản trí tuệ có thể xác định được, kiểm soát được	6
Tài sản trí tuệ là kết quả của quá trình đổi mới, sáng tạo và có khả năng sinh lợi	6
THẾ NÀO LÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CÓ CHIẾN LƯỢC?	6
Nội dung của quản trị tài sản trí tuệ	6
Chiến lược quản trị tài sản trí tuệ	7
Thiết lập nhân sự quản trị tài sản trí tuệ	8
3 BƯỚC CƠ BẢN ĐỂ THIẾT LẬP CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ	8
Nhận dạng tài sản trí tuệ	8
Đánh giá tài sản trí tuệ	8
Bảo vệ tài sản trí tuệ	8
XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	9
Căn cứ phát sinh quyền sở hữu trí tuệ	9
Đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ để làm gì?	10
Đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ như thế nào?	11
Tài sản trí tuệ phải đáp ứng những điều kiện gì để được đăng ký bảo hộ?	12
Tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ ở đâu?	13
THƯƠNG MẠI HÓA TÀI SẢN TRÍ TUỆ	14
Thương mại hóa trực tiếp tài sản trí tuệ	14
Chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, góp vốn bằng giá trị tài sản trí tuệ	16
Cần làm gì trước khi ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tài sản trí tuệ?	18
Quản lý giá trị của tài sản trí tuệ	20
BẢO VỆ TÀI SẢN TRÍ TUỆ	24
Bảo vệ tài sản trí tuệ là gì?	24
Khi nào quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm?	24
Cần làm gì khi quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm?	25
CÁC DỊCH VỤ BỔ TRỢ CHO QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ	27
Dịch vụ thông tin sở hữu công nghiệp	27
Dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ	29
Dịch vụ tư vấn, giám định về sở hữu trí tuệ	29
Dịch vụ thẩm định giá tài sản trí tuệ và các dịch vụ khác	30

LỜI GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh mô hình tăng trưởng của nền kinh tế đang chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu, hầu hết mọi chủ thể của nền kinh tế đều chịu tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển nền kinh tế số, sự cạnh tranh diễn ra chủ yếu là cạnh tranh về nội lực, đặc biệt là hàm lượng trí tuệ chứa đựng trong sản phẩm/dịch vụ, tài sản trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Nhiều nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã chỉ ra rằng việc quản trị tài sản trí tuệ một cách chiến lược có tác động tích cực tới kết quả kinh doanh và vị thế của doanh nghiệp trong dài hạn.

Trong khi đó, các doanh nghiệp Việt Nam và thực tiễn nền kinh tế cho thấy việc quản trị tài sản trí tuệ chưa được chú trọng đúng mức. Nội dung quản trị tài sản trí tuệ chưa có trong hoạt động quản trị kinh doanh của hầu hết doanh nghiệp; kỹ năng cần thiết về quản trị tài sản trí tuệ còn hạn chế. Với lý do đó, cuốn sách này đặt ra mục tiêu trình bày những vấn đề cơ bản về quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Thông qua cuốn sách này, người đọc có thể nắm bắt được những vấn đề cốt lõi sau đây:

- ◆ Tài sản trí tuệ là một loại tài sản quan trọng đối với doanh nghiệp cũng như đối với nền kinh tế nói chung. Loại tài sản này đang trở thành mục tiêu tìm kiếm, phát triển và là nhân tố quan trọng nhất trong cạnh tranh hiện đại. Nếu coi nhẹ hoặc không có biện pháp quản trị thích hợp đối với loại tài sản này thì doanh nghiệp sẽ không thể thành công trong phát triển.
- ◆ Quản trị tài sản trí tuệ là một lĩnh vực của quản trị với những nội dung và biện pháp căn bản tương đồng với quản trị doanh nghiệp nói chung nhưng cần bổ sung các khía cạnh đặc thù thích hợp.
- ◆ Muốn thực hiện việc quản trị tài sản trí tuệ thành công, cần phải hiểu rõ đặc tính, nội dung và dạng tồn tại của từng loại tài sản trí tuệ, đồng thời phải nắm vững các điều kiện nội tại, ngoại cảnh thuận lợi cũng như các nguy cơ, thách thức, từ đó xác định các hành động phù hợp.

Ở Việt Nam, quản trị tài sản trí tuệ là một lĩnh vực còn mới mẻ, chứa đựng nhiều khía cạnh pháp lý, kỹ thuật và kinh tế tương đối phức tạp, vì vậy quá trình biên soạn khó tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, tác giả mong nhận được góp ý của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện trong những lần xuất bản tiếp theo.

Tác giả xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

TÀI SẢN TRÍ TUỆ LÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH THÀNH CÔNG CỦA DOANH NGHIỆP*

Thực tiễn nền kinh tế thế giới đang chuyển sang giai đoạn mang đặc trưng tri thức, sự cạnh tranh diễn ra chủ yếu là cạnh tranh về thông tin, kiến thức, kỹ năng; tài sản trí tuệ đóng vai trò ngày càng quan trọng và trong nhiều trường hợp trở thành yếu tố quyết định giá trị thị trường của doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, nhiều doanh nghiệp thành công trên thế giới đã rất chú trọng đến hoạt động quản trị tài sản trí tuệ, vì đó là một trong những công cụ thiết yếu cải thiện nội lực, khả năng cạnh tranh và vị thế của các doanh nghiệp đó trong dài hạn.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng ngày nay tài sản trí tuệ có đóng góp đáng kể vào giá trị của doanh nghiệp. Theo Ocean Tomo (2015), nếu vào năm 1975 tài sản trí tuệ chỉ chiếm 17% giá trị thị trường của doanh nghiệp, thì hơn bốn thập kỷ sau, vào năm 2015, tài sản trí tuệ đã chiếm tới 84% giá trị nói trên. Tài sản trí tuệ có khả năng mang lại cho doanh nghiệp vị thế độc quyền nhờ cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, qua đó doanh nghiệp có thể thương mại hóa tài sản trí tuệ dưới hình thức sử dụng trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển giao quyền sử dụng cho các chủ thể khác để gạt hái những lợi ích kinh tế bù đắp cho quá trình đầu tư sáng tạo và mở rộng vị thế thị trường. Có rất nhiều ví dụ minh chứng cho điều này, chẳng hạn sáng chế về thuốc kháng sinh azythromycin (Zithromax) thuộc sở hữu của hãng Pfizer trở thành thuốc kháng sinh bán chạy nhất thế giới với doanh số hàng năm trên 1 tỷ USD. Chỉ riêng năm 2000, công ty IBM thu được 1,7 tỷ USD từ việc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế. Năm 2012, công ty Motorola Mobility thu được 12,5 tỷ USD từ việc chuyển nhượng 7.000 sáng chế cho Google. Những tài sản trí tuệ khác như kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu... cũng được coi là yếu tố dẫn dắt quá trình đổi mới sáng tạo và giúp doanh nghiệp phát triển nhiều hàng hóa/dịch vụ có giá trị gia tăng vượt trội, thậm chí trong nhiều trường hợp còn trở thành phao cứu sinh giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ sống sót trong khủng hoảng kinh tế hay trong môi trường cạnh tranh đầy khốc liệt.

** Trong Tài liệu này, “doanh nghiệp” được hiểu bao gồm cả các tổ chức nghiên cứu, đào tạo... có hoạt động liên quan tới việc tạo dựng, phát triển, thương mại hóa tài sản trí tuệ.*

TÀI SẢN TRÍ TUỆ, QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LÀ GÌ?

Tài sản trí tuệ được hiểu là tất cả các sản phẩm của hoạt động trí tuệ của con người trong các lĩnh vực khác nhau, như khoa học - kỹ thuật; văn học, nghệ thuật; kinh doanh, thương mại, bao gồm:

Sản phẩm sáng tạo khoa học - kỹ thuật:

Các thông tin - bí quyết kỹ thuật (know-how), các sáng chế, các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, các bản vẽ, bản thiết kế, công thức, dữ liệu tính toán, dữ liệu thử nghiệm, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu, công trình nghiên cứu, sách giáo khoa, đề án quy hoạch, sơ đồ bố trí/sắp xếp; giống cây trồng...

Sản phẩm sáng tạo văn học, nghệ thuật:

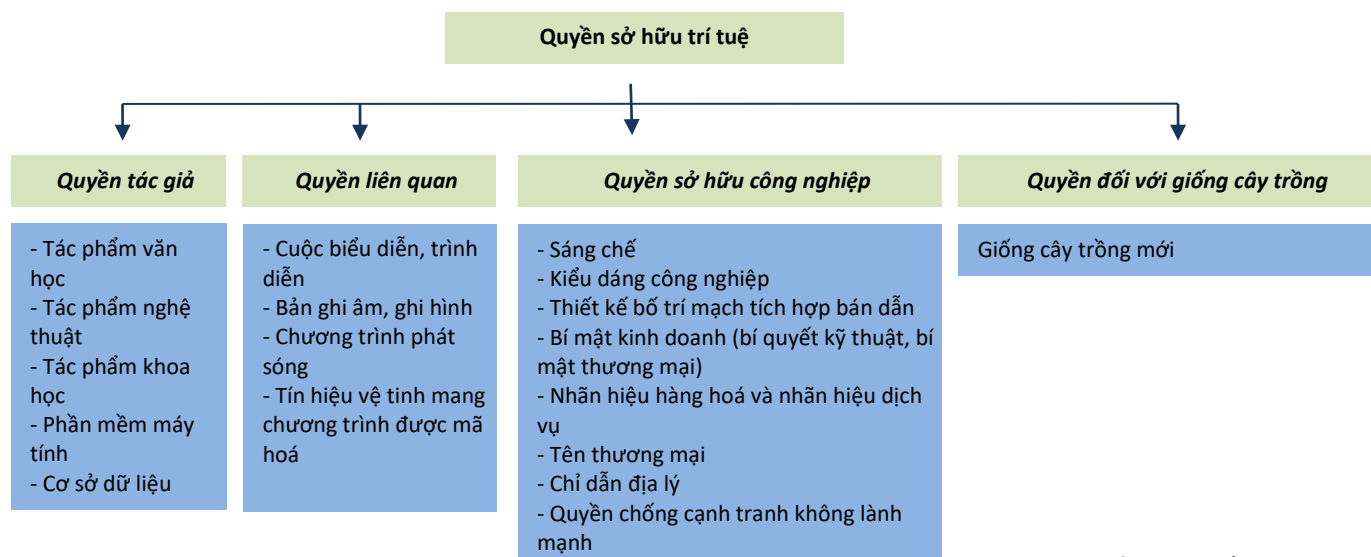
Các tác phẩm văn học/âm nhạc/hội họa/mỹ thuật ứng dụng/sân khấu/điện ảnh; các sản phẩm liên quan như cuộc biểu diễn, trình diễn, các sản phẩm ghi âm/ghi hình...

Sản phẩm sáng tạo kinh doanh, thương mại:

Các bí mật thương mại, tên thương mại, nhãn hiệu hàng hoá/dịch vụ, tên miền internet...

Tài sản trí tuệ bao gồm các quyền sở hữu trí tuệ. Quyền sở hữu trí tuệ được hiểu là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, gồm có quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp

và quyền đối với giống cây trồng¹.



Nguồn: tác giả tổng hợp

Các dạng tài sản trí tuệ là đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

Quyền tác giả:

Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu, như tác phẩm văn học, tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm khoa học, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu.

Quyền liên quan đến quyền tác giả:

Quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá.

Quyền sở hữu công nghiệp:

Quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

Quyền đối với giống cây trồng:

Quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

VÌ SAO CẦN QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ MỘT CÁCH CÓ CHIẾN LƯỢC?

Tài sản trí tuệ có bản chất vô hình:

Cũng như các loại tài sản vô hình khác, các tài sản trí tuệ đều không có bản chất vật chất, nghĩa là con người không thể nhận biết sự tồn tại của chúng nhờ các giác quan. Là kết quả (sản phẩm) của các hoạt động trí tuệ, các tài sản trí tuệ có bản chất thông tin, tri thức. Nội dung của các thông tin, tri thức đó là sự hiểu biết về tự nhiên,

¹ Xem thêm: Luật Sở hữu trí tuệ (các Điều 4.1 - 4.5)

xã hội và con người (nhận thức về sự vật, hiện tượng, trạng thái, quy luật) và ứng dụng các hiểu biết đó nhằm lợi dụng, khai thác, chế ngự, cải tạo thiên nhiên nhằm phục vụ cho các nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của con người.

Với bản chất như vậy, tài sản trí tuệ là một loại tài sản vô hình. Tính vô hình của tài sản trí tuệ được thể hiện ở chỗ sự tồn tại của tài sản trí tuệ chỉ có thể được con người nhận biết thông qua trí óc (nhận thức) chứ không phải thông qua các giác quan. Tài sản trí tuệ cũng được chiếm hữu thông qua nhận thức, nhờ nhận thức mà bản chất (nội dung) của một tài sản trí tuệ cụ thể có thể được lan truyền (phổ biến) từ người này sang người khác. Vì vậy, đặc tính vô hình của tài sản trí tuệ là yếu tố đặc biệt quan trọng cần phải xem xét khi thiết kế chiến lược quản trị đối với loại tài sản này.

Tài sản trí tuệ có thể xác định được, kiểm soát được:

Mặc dù vô hình, tài sản trí tuệ không những vẫn được con người nhận biết mà còn được xác định. Đặc tính xác định được của tài sản trí tuệ được thể hiện ở chỗ bất kỳ tài sản trí tuệ nào cũng xác định nó là cái gì và nó khác các thực thể khác ở chỗ nào. Đồng thời, mỗi tài sản trí tuệ là một thực thể hoàn chỉnh do đó có giới hạn, phạm vi nhất định. Vì vậy, để quản trị tài sản trí tuệ, cần phân biệt rõ ràng ranh giới giữa tài sản trí tuệ này với (các) tài sản trí tuệ khác. Giá trị của tài sản trí tuệ cũng là một yếu tố có thể xác định được.

Tài sản trí tuệ có thể được kiểm soát vì nó là đối tượng chịu tác động của (các) hành vi có chủ đích của con người: điều khiển, sản xuất, sử dụng (khai thác), duy trì, cất giữ, phát triển, mua bán, trao đổi, cho thuê, góp vốn... và mang lại một kết quả nhất định. Nghĩa là, tài sản trí tuệ có khả năng được vật chất hoá để trở thành các thực thể hữu hình hoặc tham dự vào các hoạt động có tính chất vật chất nhằm tạo ra giá trị, chẳng hạn các sáng chế được chế tạo, sản xuất thành các sản phẩm hoặc được ứng dụng trong các quy trình sản xuất. Vì thế, quản lý giá trị là một nội dung quan trọng trong quản trị tài sản trí tuệ.

Tài sản trí tuệ là kết quả của quá trình đổi mới, sáng tạo và có khả năng sinh lợi:

Quản trị tài sản trí tuệ cần được thực hiện ngay từ giai đoạn tạo dựng, sáng tạo tài sản trí tuệ, vì kết quả của quá trình này phải là một đối tượng mới hoặc là một đối tượng đã biết nhưng được bổ sung cái mới (được đổi mới) trên nền tảng thông tin, tri thức vốn đã được tích lũy từ trước. Nói cách khác, cần phải tiến hành quản trị mọi sản phẩm của hoạt động sáng tạo, vì tài sản trí tuệ là kết quả của hoạt động quá khứ liên quan đến chính nó và đồng thời là điều kiện để tạo ra tài sản trí tuệ khác trong tương lai.

Một trong những đặc tính quan trọng nhất của tài sản trí tuệ là tạo ra giá trị. Nhờ đặc tính này, khi tài sản trí tuệ được thương mại hóa, chẳng hạn được sử dụng, bán, chuyển giao/cho thuê, trao đổi thì mang lại cho người kiểm soát nó lợi ích bằng tiền hay bằng một tài sản khác. Quản trị tài sản trí tuệ có chiến lược sẽ giúp doanh nghiệp gặt hái nhiều lợi ích kinh tế to lớn từ việc thương mại hóa loại tài sản này.

THẾ NÀO LÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CÓ CHIẾN LƯỢC?

Nội dung của quản trị tài sản trí tuệ:

Quản trị tài sản trí tuệ là việc chủ sở hữu thực hiện các biện pháp kiểm soát đối với tài sản trí tuệ của mình nhằm tạo dựng/sáng tạo, gìn giữ, thương mại hóa, bảo vệ và phát triển giá trị của tài sản đó.

Quản trị tài sản trí tuệ là một bộ phận quan trọng của quản trị doanh nghiệp nhưng có những đặc điểm riêng. Tài sản trí tuệ, cùng với tài sản tiền tệ, tài sản vật chất, là một bộ phận của tài sản của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều hướng tới mục tiêu là gia tăng giá trị của khối tài sản đó và tối đa hóa lợi nhuận. Vì vậy, quản trị doanh nghiệp bao gồm cả quản trị tài sản trí tuệ; các hoạt động quản trị tài sản trí tuệ phải phù hợp với quản trị kinh doanh và nhằm mục tiêu thống nhất. Tổ chức bộ máy nhân sự dành cho quản trị tài sản trí tuệ cũng phải thuộc cơ cấu bộ máy quản trị kinh doanh.

Mặc dù là một phần trong quản trị kinh doanh nói chung, do một số đặc thù mà lĩnh vực quản trị tài sản trí tuệ lại có một số đặc tính và đòi hỏi riêng. Một số thao tác quản trị tiến hành với tài sản hữu hình có thể không thích hợp với tài sản trí tuệ, do đó phải tiến hành thao tác riêng biệt (chẳng hạn, việc bảo vệ thông tin về một công nghệ không giống với việc bảo vệ một cái máy cụ thể...). Tính riêng biệt của quản trị tài sản trí tuệ đòi hỏi phải được xem xét tới khi tiến hành các công tác quản trị kinh doanh ở mọi công đoạn.

Quản trị tài sản trí tuệ gồm có việc thực hiện biện pháp kiểm soát thích hợp* đối với các hoạt động gắn liền với chu trình tài sản trí tuệ như sau:

- ✓ Tạo dựng/sáng tạo các tài sản trí tuệ;
- ✓ Xác lập các quyền sở hữu trí tuệ cho từng loại tài sản trí tuệ;
- ✓ Thương mại hóa, chuyển giao, chuyển nhượng tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ;
- ✓ Theo dõi, kiểm tra, quản lý giá trị của tài sản trí tuệ;
- ✓ Bảo vệ tài sản trí tuệ.

* Các biện pháp kiểm soát là đối tượng của hoạt động quản trị tài sản trí tuệ bao gồm:

- ◆ Biện pháp tổ chức và nhân sự
- ◆ Biện pháp chính sách
- ◆ Biện pháp kinh tế
- ◆ Biện pháp kiểm tra

Chiến lược quản trị tài sản trí tuệ:

Để quản trị tài sản trí tuệ có chiến lược, doanh nghiệp cần phải xác định những mục tiêu quản trị đối với khối tài sản trí tuệ của doanh nghiệp trong dài hạn và thực hiện, theo đuổi chương trình (kế hoạch) hành động cùng với việc phân bổ các nguồn lực cần thiết để đạt được những mục tiêu đó.

Chiến lược quản trị tài sản trí tuệ cần có các nội dung sau đây:

- ✓ Phương hướng, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện việc tạo dựng/sáng tạo các tài sản trí tuệ, định vị các tài sản đó trong tập hợp các nguồn lực của doanh nghiệp;
- ✓ Phương hướng, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện việc xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ;
- ✓ Phương hướng, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện việc thương mại hóa, quản lý giá trị tài sản trí tuệ;
- ✓ Phương hướng, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện việc theo dõi, giám sát, bảo vệ các tài sản

trí tuệ.

Thiết lập nhân sự quản trị tài sản trí tuệ:

Để quản trị tài sản trí tuệ cũng như xây dựng, thực hiện chiến lược quản trị tài sản trí tuệ, doanh nghiệp cần phải thiết lập nhân sự quản trị thích hợp. Những người chuyên trách này được gọi là “quản trị viên tài sản trí tuệ”. Quản trị viên tài sản trí tuệ có thể là nhà quản lý cấp cao, quản lý các bộ phận trong doanh nghiệp, có thể là cán bộ tổ chức, sản xuất, kinh doanh, marketing, nhân viên kỹ thuật... Các quản trị viên tài sản trí tuệ có thể được phân công chuyên trách thực hiện một chức năng nhất định hoặc cũng có thể kiêm nhiệm nhiều chức năng quản trị khác. Trong thực tiễn, một số doanh nghiệp thiết lập bộ máy quản trị viên tài sản trí tuệ thành thang bậc: quản trị viên cao cấp, quản trị viên cấp trung, quản trị viên cơ sở.

Để thực hiện được các chức năng nói trên, quản trị viên tài sản trí tuệ cần phải nắm vững và có kỹ năng, kinh nghiệm nhất định trong việc sử dụng một cách linh hoạt các công cụ quản trị tài sản trí tuệ khác nhau. Các công cụ đó có thể là:

- ✓ Khảo sát, tập hợp/thu hoạch, ghi nhận ký đối với tài sản trí tuệ
- ✓ Lập bản đồ, thẩm tra, kiểm kê tài sản trí tuệ
- ✓ Đánh giá giá trị, khả năng bảo hộ/thương mại hóa của tài sản trí tuệ
- ✓ Theo dõi, giám sát tình trạng pháp lý, thực tiễn sử dụng tài sản trí tuệ
- ✓ Thiết kế chiến lược quản trị tài sản trí tuệ

3 BƯỚC CƠ BẢN ĐỂ THIẾT LẬP CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

① Nhận dạng tài sản trí tuệ...

Trong bất kỳ doanh nghiệp nào, tổ chức thực hiện công việc nhận dạng, xác định tài sản trí tuệ do nhân viên/người lao động của doanh nghiệp sáng tạo ra trong quá trình làm việc được coi là một yếu tố quan trọng để quản trị tài sản trí tuệ có hiệu quả. Doanh nghiệp cần thiết lập một quy trình chính thức để tập hợp, ghi nhận, kiểm kê bất cứ sản phẩm trí tuệ nào được tạo ra trong hoạt động đổi mới, sáng tạo; lựa chọn phương án bộc lộ, công bố sáng chế; ra quyết định về phương thức bảo vệ tài sản trí tuệ trong tương lai (ví dụ: bảo vệ sáng chế theo cơ chế bảo mật bí quyết kỹ thuật hay đăng ký bảo hộ độc quyền sáng chế).

② ... Đánh giá tài sản trí tuệ...

Doanh nghiệp cần thiết lập quy trình chính thức để đánh giá định kỳ khối tài sản trí tuệ của mình phù hợp với các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Sở dĩ như vậy vì mô hình kinh doanh, lộ trình phát triển sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp thường thay đổi theo thời gian nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Do đó, điều quan trọng là cần đánh giá định kỳ những thay đổi này có ảnh hưởng như thế nào đến vai trò, giá trị của tài sản trí tuệ hàm chứa trong các sản phẩm/dịch vụ liên quan. Việc đánh giá có thể dựa trên các công cụ như lập bản đồ tài sản trí tuệ, thẩm tra khối tài sản trí tuệ, xác định giá trị của tài sản trí tuệ, cách gia tăng giá trị từ những tài sản trí tuệ tiềm năng...

③ ... Bảo vệ tài sản trí tuệ

Để bảo vệ tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đổi mới, sáng tạo, doanh nghiệp có thể lựa chọn nhiều giải pháp, cơ chế khác nhau phù hợp với chiến lược, mục tiêu kinh doanh của mình. Các lựa chọn đó thường gắn liền với các hoạt động là đối tượng quản trị sau đây: xác lập quyền sở hữu trí tuệ; thương mại hóa tài sản trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ phát sinh quyền sở hữu trí tuệ:

Xác lập quyền sở hữu trí tuệ có ý nghĩa quan trọng trong việc thương mại hóa tài sản trí tuệ, là cơ sở để doanh nghiệp thu hồi chi phí tạo dựng, phát triển tài sản trí tuệ, tái đầu tư cho hoạt động đổi mới, sáng tạo, thu hút vốn đầu tư phát triển, nâng cao vị thế của doanh nghiệp trong đàm phán chuyển giao, góp vốn quyền sở hữu trí tuệ...

Quyền sở hữu trí tuệ là một loại quyền hợp pháp của chủ sở hữu đối với tài sản trí tuệ, được phát sinh/xác lập phù hợp với các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Tại hầu hết các nước và ở Việt Nam, pháp luật quy định có hai nhóm căn cứ phát sinh quyền sở hữu trí tuệ: (i) nhóm quyền phát sinh một cách tự động (tự nhiên); và (ii) nhóm quyền phát sinh trên cơ sở đăng ký.

Nhóm quyền phát sinh một cách tự động:

✓ quyền tác giả, bao gồm các dạng tài sản trí tuệ như tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu được tạo ra và được thể hiện dưới một hình thức vật chất xác định

✓ quyền liên quan đến quyền tác giả, bao gồm các dạng tài sản trí tuệ như cuộc biểu diễn, chương trình phát sóng, tín hiệu mang chương trình được mã hoá được thực hiện, bản ghi âm/ghi hình được định hình

✓ quyền sở hữu công nghiệp đối với các dạng tài sản trí tuệ như bí mật kinh doanh, tên thương mại, nhãn hiệu nổi tiếng. Khi bí mật kinh doanh được tạo ra, tìm ra hoặc có được; tên thương mại được sử dụng hợp pháp; nhãn hiệu trở thành nổi tiếng thì quyền đối với các tài sản trí tuệ này phát sinh mà không cần phải đăng ký xác lập quyền

Nhóm quyền phát sinh trên cơ sở đăng ký:

✓ quyền sở hữu công nghiệp đối với các dạng tài sản trí tuệ như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu...

✓ quyền đối với giống cây trồng mới

Đối với nhóm quyền phát sinh trên cơ sở đăng ký, doanh nghiệp cần tiến hành thủ tục đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định, bởi vì quyền sở hữu trí tuệ đối với các dạng tài sản trí tuệ đó phát sinh trên cơ sở Quyết định cấp Văn bằng bảo hộ (thực chất là Chứng nhận đăng ký) của cơ quan có thẩm quyền nói trên. Để được cấp Văn bằng bảo hộ (được đăng ký), tài sản trí tuệ (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng) phải đáp ứng một số điều kiện và quá trình đăng ký phải tuân theo một số quy định*.

* Mặc dù quyền tác giả và quyền liên quan phát sinh một cách tự nhiên nhưng để tạo thuận lợi cho việc chứng minh quyền, người sở hữu tác phẩm có thể tiến hành thủ tục đăng ký tác phẩm tại cơ quan có thẩm quyền nhằm ghi nhận và lưu giữ tác phẩm/sản phẩm định hình. Khi xảy ra tranh chấp, cần được pháp luật bảo hộ, các thông tin về việc đăng ký tác

phẩm có thể là bằng chứng về nguồn gốc sự ra đời và định hình của tài sản trí tuệ cũng như về quan hệ giữa tài sản đó và chủ sở hữu. Tuy nhiên, việc đăng ký như vậy là không bắt buộc và không phải là thủ tục nhằm xác lập quyền tác giả/quyền liên quan.

Riêng trong lĩnh vực dược phẩm, nông hóa phẩm, doanh nghiệp cần lưu ý tới một loại tài sản trí tuệ đặc biệt, đó là dữ liệu thử nghiệm. Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, dữ liệu thử nghiệm có thể được bảo hộ với danh nghĩa bí mật kinh doanh, hoặc thuộc nội dung của sáng chế. Dữ liệu thử nghiệm được bảo mật là dữ liệu thử nghiệm lâm sàng của thuốc có chứa hoạt chất mới được cơ sở đăng ký thuốc cung cấp trong hồ sơ đăng ký thuốc (nhằm chứng minh tính an toàn và hiệu quả của thuốc), là kết quả của việc đầu tư công sức đáng kể, được bảo mật và có yêu cầu bảo mật theo quy định. Để được phẩm, nông hóa phẩm được lưu thông trên thị trường, thông thường dữ liệu thử nghiệm hoặc dữ liệu bí mật khác phải được bộc lộ và nộp kèm theo đơn đăng ký cấp phép lưu hành (thủ tục cấp visa) tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Quản lý dược trực thuộc Bộ Y tế - xem thêm <https://dav.gov.vn/dang-ki-thuoc-cong-bo-nguyen-lieu-c311.html>; hoặc Cục Bảo vệ thực vật trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - xem thêm <https://www.ppd.gov.vn/thuoc-bao-ve-thuc-vat-67.html>). Trong trường hợp dữ liệu thử nghiệm cần được bảo mật, doanh nghiệp cần xem xét việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm, nông hóa phẩm bảo mật thông tin theo quy định².

Đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ để làm gì?

Đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ là việc thực hiện thủ tục theo trình tự nhất định trước cơ quan có thẩm quyền nhằm xác lập quyền sở hữu của chủ thể đối với tài sản trí tuệ của mình. Như đã nêu trên, việc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ chỉ được tiến hành đối với những tài sản trí tuệ có căn cứ phát sinh quyền trên cơ sở đăng ký, gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu (trừ nhãn hiệu nổi tiếng), giống cây trồng. Đối với một số tài sản trí tuệ khác như tên thương mại, bí mật kinh doanh, việc đăng ký không phải là thủ tục xác lập quyền bắt buộc.

Nói chung, đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhằm các mục đích chính sau đây:

- *Tìm kiếm sự công nhận của pháp luật đối với quyền sở hữu trí tuệ và sự bảo vệ của pháp luật đối với quyền sở hữu trí tuệ được công nhận đó, vì chủ sở hữu tài sản trí tuệ khó có khả năng tự bảo vệ và chống lại các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của mình nếu không nhận được sự can thiệp của pháp luật và sức mạnh thực thi pháp luật;*
- *Chiếm giữ độc quyền hợp pháp đối với tài sản trí tuệ:* Khi tài sản trí tuệ được đăng ký bảo hộ, chủ sở hữu tài sản trí tuệ được hưởng độc quyền đối với tài sản đó, cụ thể là có quyền sử dụng, cho phép hoặc ngăn cấm người khác sử dụng tài sản trí tuệ đó, ngăn chặn và áp dụng các biện pháp nhằm xử lý hành vi xâm phạm quyền do người thứ ba thực hiện;
- *Tạo thuận lợi cho việc chứng minh quyền sở hữu tài sản trí tuệ khi xảy ra tranh chấp, xâm phạm quyền:* Khi tài sản trí tuệ được đăng ký bảo hộ, chủ sở hữu tài sản đó được Nhà nước cấp Văn bằng bảo hộ quyền tương ứng. Trong trường hợp có tranh chấp, xâm phạm quyền đối với tài sản trí tuệ, chủ sở hữu tài sản trí tuệ có quyền sử dụng văn bằng bảo hộ làm căn cứ chứng minh quyền của mình mà không cần phải cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Lợi ích của đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với doanh nghiệp, xã hội:

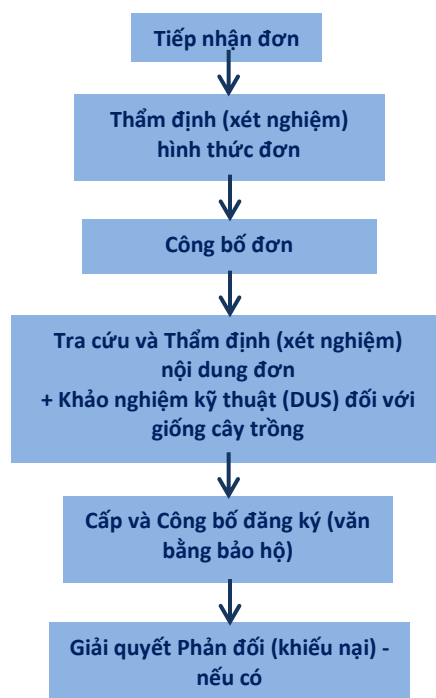
- ◆ *Thiết lập vị thế và lợi ích cạnh tranh trên thị trường*
- ◆ *Thu hồi vốn đầu tư và gặt hái nhiều lợi nhuận*
- ◆ *Tạo khả năng tiếp cận công nghệ mới thông qua chuyển giao chéo (cross-licensing) và tiếp cận thị trường mới*

² Xem thêm: Thông tư 05/2010/TT-BYT ngày 01/3/2010

- ◆ Tạo dựng uy tín, danh tiếng của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ
- ◆ Toàn xã hội được tiếp cận thông tin về công nghệ mới, từ đó thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo và khuyến khích cạnh tranh
- ◆ Toàn xã hội có cơ hội hưởng thụ những thành tựu sáng tạo nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu đa dạng trong cuộc sống của con người

Đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ như thế nào?

Để được xác lập/công nhận quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ, doanh nghiệp phải tiến hành thủ tục đăng ký trước Cơ quan Sở hữu trí tuệ theo trình tự quy định (ở Việt Nam, cơ quan đó là Cục Sở hữu trí tuệ, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng mới, Cục Bản quyền tác giả). Thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng, là thủ tục chặt chẽ, đòi hỏi người nộp đơn đăng ký cũng như đối tượng (tài sản trí tuệ) nêu trong đơn phải đáp ứng những điều kiện nhất định, nếu không sẽ bị từ chối bảo hộ. Có hai điều kiện tiên quyết để xác lập quyền sở hữu trí tuệ: (i) Đối tượng nêu trong đơn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hộ theo luật định; (ii) Đơn đăng ký đối tượng đó phải đáp ứng các yêu cầu về hình thức và nội dung và được nộp theo đúng trình tự, thủ tục quy định.



Nguồn: tác giả tổng hợp

Trình tự xác lập quyền sở hữu công nghiệp/quyền đối với giống cây trồng

- ◆ Để thực hiện thủ tục công nhận quyền tác giả, quyền liên quan, doanh nghiệp cần chuẩn bị Đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan bao gồm các tài liệu sau đây³:
 - Tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan làm theo mẫu quy định (xem thêm <http://cov.gov.vn/tin-tuc/to-khai-dang-ky-quyen-tac-gia>, hoặc <http://cov.gov.vn/tin-tuc/to-khai-dang-ky-quyen-lien-quan?AspxAutoDetectCookieSupport=1>);

³ Xem thêm: Luật Sở hữu trí tuệ (Điều 50)

- Hai bản sao tác phẩm đăng ký quyền tác giả hoặc hai bản sao bản định hình đối tượng đăng ký quyền liên quan;
- Các tài liệu khác (nếu có): Giấy uỷ quyền (nếu người nộp đơn là người được uỷ quyền); tài liệu chứng minh quyền nộp đơn (nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa); văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu tác phẩm có đồng tác giả); văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu (nếu quyền tác giả, quyền liên quan thuộc sở hữu chung);
- Chứng từ nộp phí⁴.

◆ Để thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, doanh nghiệp cần chuẩn bị Đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp bao gồm các tài liệu sau đây⁵:

- Tờ khai đăng ký theo mẫu quy định (xem thêm <http://ipvietnam.gov.vn/web/guest/bo-to-khai-trong-linh-vuc-so-huu-cong-nghiep>);
- Tài liệu, mẫu vật, thông tin thể hiện đối tượng sở hữu công nghiệp đăng ký bảo hộ;
- Giấy uỷ quyền, nếu đơn nộp thông qua đại diện;
- Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác;
- Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;
- Chứng từ nộp phí, lệ phí⁶.

◆ Để thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng, doanh nghiệp cần chuẩn bị Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng bao gồm các tài liệu sau đây⁷:

- Tờ khai đăng ký theo mẫu quy định (xem thêm <http://pvpo.mard.gov.vn/DetailInformation.aspx?InformationID=IN00000302>);
- Ảnh chụp, tờ khai kỹ thuật theo mẫu quy định;
- Giấy uỷ quyền, nếu đơn được nộp thông qua đại diện;
- Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người đăng ký là người được chuyển giao quyền đăng ký;
- Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu đơn có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;
- Chứng từ nộp phí, lệ phí⁸.

Hiện nay, mức phí đăng ký quyền tác giả là 100.000 VNĐ/tác phẩm viết (văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình, bài giảng, bài phát biểu và tác phẩm khác), hoặc 300.000 VNĐ/bản họa đồ, sơ đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học...; mức lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu) là 150.000 VNĐ/đơn; mức lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới là 100.000 VNĐ/Bảng bảo hộ.

Tài sản trí tuệ phải đáp ứng những điều kiện gì để được đăng ký bảo hộ?

Theo pháp luật Việt Nam, đồng thời phù hợp với quy định của hầu hết các nước, khu vực, cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, điều kiện bảo hộ tổng quát đối với các tài sản trí tuệ được quy định như sau:

⁴ Xem thêm các mức phí: <http://cov.gov.vn/van-ban/so-211-2016-tt-btc?AspxAutoDetectCookieSupport=1>

⁵ Xem thêm: Luật Sở hữu trí tuệ (các Điều 100-105)

⁶ Xem thêm các mức phí, lệ phí: <http://www.noip.gov.vn/documents/20182/693199/8.8.+Th%C3%B4ng+t%C6%B0+s%E1%BB%91+263.2016.TT-BTC.pdf/81e0282d-9bba-47d9-977a-718b51c41022>

⁷ Xem thêm: Luật Sở hữu trí tuệ (Điều 174)

⁸ Xem thêm các mức phí: <http://pvpo.mard.gov.vn/DetailInformation.aspx?InformationID=IN00000373>

Điều kiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Loại tài sản trí tuệ	Điều kiện bảo hộ chung
Quyền tác giả	<ul style="list-style-type: none"> - Mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học - Được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào - Tác phẩm phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác
Quyền liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộc biểu diễn được thực hiện bởi người biểu diễn - Bản ghi âm, ghi hình được định hình - Chương trình được phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá được phát sóng - Cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá chỉ được bảo hộ với điều kiện không gây phương hại đến quyền tác giả
Sáng chế	<p>Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính mới - Có trình độ sáng tạo - Có khả năng áp dụng công nghiệp <p>Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích nếu không phải là hiểu biết thông thường và đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính mới - Có khả năng áp dụng công nghiệp
Kiểu dáng công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có tính mới - Có tính sáng tạo - Có khả năng áp dụng công nghiệp
Nhãn hiệu	<ul style="list-style-type: none"> - Dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc - Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác
Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Có tính nguyên gốc - Có tính mới thương mại
Giống cây trồng	<ul style="list-style-type: none"> - Được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển, thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành - Có tính mới - Có tính khác biệt - Có tính đồng nhất - Có tính ổn định - Có tên phù hợp

Nguồn: tác giả tổng hợp

Tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ ở đâu?

Để tiến hành xác lập/công nhận quyền hợp pháp đối với tài sản trí tuệ ở Việt Nam, doanh nghiệp cần thực hiện các công việc nhằm bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục đăng ký do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định. Hiện nay, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác lập/công nhận quyền sở hữu trí tuệ được Chính phủ giao cho ba cơ quan ở Trung ương, tương ứng với ba lĩnh vực: khoa học và công nghệ; văn hóa; nông nghiệp.

♦ Để thực hiện các thủ tục xác lập quyền đối với các tài sản trí tuệ như sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu... (gọi chung là các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp), doanh nghiệp cần trực tiếp giao dịch với Cục Sở hữu trí tuệ, trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có địa chỉ tại 384-386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân (Hà Nội), hoặc 17-19 Tôn Thất Tùng, quận 1 (TP. Hồ Chí Minh), hoặc 135 Minh Mạng, Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng) (xem thêm <http://www.noip.gov.vn/web/quest/home>).

♦ Để thực hiện thủ tục công nhận quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả đối với các tài sản trí tuệ như tài liệu

hướng dẫn kỹ thuật, bản vẽ, bản thiết kế, công thức, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu, công trình nghiên cứu, sách giáo khoa, sơ đồ bố trí/sắp xếp, các sản phẩm ghi âm/ghi hình..., doanh nghiệp cần trực tiếp giao dịch với Cục Bản quyền tác giả, trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, có địa chỉ tại 33 ngõ 294/2 Kim Mã, Ba Đình (Hà Nội), hoặc 170 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3 (TP. Hồ Chí Minh), hoặc 58 Phan Chu Trinh, Hải Châu (Đà Nẵng) (xem thêm <http://www.cov.gov.vn/>).

♦ Để thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng, bao gồm vật liệu nhân giống, vật liệu thu hoạch, doanh nghiệp cần trực tiếp giao dịch với Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng mới, Cục Trồng trọt, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có địa chỉ tại 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội (xem thêm <http://pvpo.mard.gov.vn/Default.aspx>).

THƯƠNG MẠI HÓA TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Thương mại hóa tài sản trí tuệ là một khâu quan trọng trong chu trình sáng tạo trí tuệ, vì thông qua hoạt động thương mại hóa tài sản đó, doanh nghiệp có thể thu hồi được mọi chi phí cho việc tạo dựng/sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ, kể cả các chi phí tiến hành thủ tục đăng ký xác lập/công nhận quyền, đồng thời có điều kiện tái đầu tư (vốn) để tiếp tục phát triển, sáng tạo ra tài sản trí tuệ mới. Mặt khác, thông qua thương mại hóa mà giá trị của tài sản trí tuệ ngày càng gia tăng, góp phần tạo dựng vị thế và phát triển giá trị thị trường của doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy rằng bản thân tài sản trí tuệ sẽ không có giá trị thương mại và không mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp nếu không được đưa vào quá trình thương mại hóa một cách có hiệu quả, không tạo dựng được uy tín, danh tiếng cho hàng hóa/dịch vụ chứa tài sản trí tuệ và cho doanh nghiệp. Để thương mại hóa tài sản trí tuệ, doanh nghiệp cần xem xét một số lựa chọn sau đây:

- ✓ Thương mại hoá tài sản trí tuệ một cách trực tiếp
- ✓ Chuyển nhượng (bán) hoặc chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng) tài sản trí tuệ cho người khác
- ✓ Hợp tác kinh doanh dưới hình thức góp vốn bằng giá trị của tài sản trí tuệ với người khác để cùng nhau khai thác, sử dụng tài sản đó.

Thương mại hóa trực tiếp tài sản trí tuệ:

Thương mại hoá tài sản trí tuệ một cách trực tiếp là việc sử dụng tài sản trí tuệ dưới hình thức phân phối công khai hàng hóa/dịch vụ chứa tài sản trí tuệ nhằm mục đích thương mại (với quy mô thương mại). Tuỳ thuộc bản chất của mỗi loại tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động thương mại hoá tài sản trí tuệ mang nội dung khác nhau, phù hợp với nội dung quyền sử dụng loại tài sản tương ứng.

Các hình thức thương mại hóa trực tiếp tài sản trí tuệ

Loại tài sản trí tuệ	Các hình thức thương mại hoá trực tiếp
Quyền tác giả	Sử dụng tác phẩm nhằm mục đích thương mại: - Sao chép tác phẩm - Làm tác phẩm phái sinh - Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm - Truyền đạt tác phẩm tới công chúng - Cho thuê bản gốc hoặc bản sao chương trình máy tính
Quyền liên quan	* Sử dụng cuộc biểu diễn nhằm mục đích thương mại: - Ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn - Sao chép, phân phối bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn - Phát sóng hoặc truyền theo cách khác cuộc biểu diễn đến công chúng

Loại tài sản trí tuệ	Các hình thức thương mại hoá trực tiếp
	<ul style="list-style-type: none"> * Sử dụng bản ghi âm, ghi hình nhằm mục đích thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Sao chép bản ghi âm, ghi hình - Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình - Cho thuê bản gốc hoặc bản sao bản ghi âm, ghi hình * Sử dụng cuộc phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá nhằm mục đích thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Ghi, sao chép bản ghi; phát sóng, phát lại một phần hoặc toàn bộ cuộc phát sóng - Phân phối bản ghi hoặc bản sao bản ghi cuộc phát sóng - Phát tín hiệu; thu, phân phối lại tín hiệu đã được giải mã - Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, nhập khẩu, bán, cho thuê thiết bị hoặc hệ thống nhằm mục đích giải mã tín hiệu vệ tinh được mã hoá
Sáng chế	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng sáng chế nhằm mục đích thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất sản phẩm là sáng chế - Áp dụng quy trình là sáng chế - Khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình là sáng chế - Lưu thông (bán), quảng cáo, chào hàng, tàng trữ để lưu thông sản phẩm nói trên; - Nhập khẩu sản phẩm sản phẩm nói trên
Kiểu dáng công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng kiểu dáng công nghiệp nhằm mục đích thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất sản phẩm có hình dáng bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp - Lưu thông (bán), quảng cáo, chào hàng, tàng trữ để lưu thông sản phẩm nói trên - Nhập khẩu sản phẩm nói trên
Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng thiết kế bố trí nhằm mục đích thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Sao chép thiết kế bố trí; sản xuất mạch tích hợp bán dẫn theo thiết kế bố trí - Bán, cho thuê, quảng cáo, chào hàng hoặc tàng trữ các bản sao thiết kế bố trí, mạch tích hợp bán dẫn sản xuất theo thiết kế bố trí hoặc hàng hoá chứa mạch tích hợp bán dẫn sản xuất theo thiết kế bố trí - Nhập khẩu bản sao thiết kế bố trí, mạch tích hợp bán dẫn sản xuất theo thiết kế bố trí hoặc hàng hoá chứa mạch tích hợp bán dẫn sản xuất theo thiết kế bố trí
Giống cây trồng	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng giống cây trồng và/hoặc vật liệu nhân giống nhằm mục đích thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất hoặc nhân giống - Chế biến nhằm mục đích nhân giống - Chào hàng - Bán hoặc thực hiện các hoạt động tiếp cận thị trường khác - Xuất khẩu, nhập khẩu - Lưu giữ sử dụng như trên
Bí mật kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng bí mật kinh doanh nhằm mục đích thương mại <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng bí mật kinh doanh để sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, thương mại hàng hoá - Bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu sản phẩm được sản xuất do áp dụng bí mật kinh doanh
Nhãn hiệu	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng nhãn hiệu nhằm mục đích thương mại: <ul style="list-style-type: none"> - Gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh - Lưu thông (bán), chào bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán hàng hoá mang nhãn hiệu được bảo hộ

Loại tài sản trí tuệ	Các hình thức thương mại hoá trực tiếp
	- Nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ
Tên thương mại	Sử dụng tên thương mại nhằm mục đích thương mại: - Dùng tên thương mại để xưng danh trong các hoạt động kinh doanh - Thể hiện tên thương mại trong các giấy tờ giao dịch, biển hiệu, sản phẩm, hàng hoá, bao bì hàng hoá và phương tiện cung cấp dịch vụ, quảng cáo

Nguồn: tác giả tổng hợp

Chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng, góp vốn bằng giá trị tài sản trí tuệ:

Doanh nghiệp là chủ sở hữu tài sản trí tuệ không chỉ có quyền trực tiếp thương mại hóa tài sản trí tuệ thuộc quyền của mình mà còn có quyền cho phép người khác tiến hành thương mại hóa tài sản đó (trong trường hợp doanh nghiệp không có đủ nguồn lực, khả năng tự thương mại hóa hoặc có nhu cầu trao đổi giá trị tài sản trí tuệ với người khác). Nếu uỷ quyền cho người khác thương mại hóa (hình thức thương mại hóa gián tiếp), hai bên thường phải thiết lập một văn bản hợp đồng (thỏa thuận) uỷ quyền một cách chặt chẽ và hợp pháp, trong đó nêu rõ ràng và đầy đủ các điều kiện mà người được uỷ quyền phải tuân thủ. Việc uỷ quyền có thể gồm hai dạng: (i) chuyển giao quyền sở hữu (chuyển nhượng); (ii) chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng), bao gồm cả dạng góp vốn liên doanh, đầu tư.

Khi chuyển giao quyền sở hữu (chuyển nhượng), doanh nghiệp là chủ sở hữu tài sản trí tuệ trao cho bên nhận quyền sở hữu tài sản trí tuệ của mình để đổi lấy một khoản tiền nhất định và khi đó bên nhận sẽ trở thành chủ sở hữu tài sản trí tuệ. Doanh nghiệp cần xem xét một cách thận trọng việc ra quyết định chuyển nhượng tài sản trí tuệ, vì đây là giải pháp thương mại hóa mà doanh nghiệp chỉ thu lợi một lần duy nhất vào thời điểm bán tài sản trí tuệ của mình cho người khác chứ không còn khả năng tiếp tục gặt hái lợi ích tiềm tàng trong tương lai từ tài sản đó. Nói chung, việc chuyển nhượng thường diễn ra trong bối cảnh doanh nghiệp cần thu lợi tức thì mà không phải chờ đợi đến hết thời hạn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoặc nhằm tránh rủi ro tài sản trí tuệ (công nghệ) bị lạc hậu do xuất hiện công nghệ mới, hoặc đầu tư cho doanh nghiệp ươm tạo hoặc khởi nghiệp dưới hình thức cấp vốn đầu tư ban đầu.

Khi chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng), doanh nghiệp là chủ sở hữu tài sản trí tuệ cho phép người khác thương mại hóa tài sản trí tuệ của mình trong khoảng thời gian nhất định, trên phạm vi lãnh thổ nhất định và với một số điều kiện nhất định để đổi lấy một khoản tiền (phí li-xăng) nhất định. Trong trường hợp này, doanh nghiệp (bên giao) chỉ được phép chuyển giao đối tượng thuộc quyền của mình và bên nhận quyền sử dụng chỉ nhận những gì mình cần và không có quyền định đoạt đối với tài sản trí tuệ được chuyển giao (chẳng hạn, đối với tài sản trí tuệ là sáng chế, kiểu dáng công nghiệp thì bên nhận không được tự ý cải tiến sáng chế nếu hợp đồng li-xăng không cho phép làm điều đó; đối với nhãn hiệu thì bên nhận phải sử dụng đúng dạng/mẫu nhãn hiệu mà không được sửa đổi, thêm bớt).

Có 3 dạng chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản trí tuệ:

✓ Chuyển giao độc quyền: trong phạm vi và thời hạn chuyển giao, bên được chuyển giao được độc quyền sử dụng tài sản trí tuệ, bên chuyển giao không được ký kết hợp đồng sử dụng tài sản đó với bất kỳ bên thứ ba nào và không được sử dụng tài sản đó nếu không được phép của bên được chuyển giao. Thuộc loại này còn có hợp đồng độc quyền không độc quyền;

✓ Chuyển giao độc nhất: tương tự như chuyển giao độc quyền, nhưng bên chuyển giao còn có quyền sử dụng tài sản trí tuệ;

✓ Chuyển giao không độc quyền: trong phạm vi và thời hạn chuyển giao quyền sử dụng, bên

chuyển giao vẫn có quyền sử dụng tài sản trí tuệ, quyền ký kết hợp đồng sử dụng tài sản trí tuệ không độc quyền với một hoặc nhiều bên khác. Thuộc loại này còn có hợp đồng nhượng quyền thương mại, thỏa thuận sử dụng chung sáng chế;

✓ Trong trường hợp bên chuyển giao quyền là người được chuyển giao quyền sử dụng tài sản trí tuệ theo một hợp đồng sử dụng khác thì đó là dạng chuyển giao quyền sử dụng thứ cấp.

◆ **Một số điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ:**

- Tác giả không được chuyển nhượng các quyền nhân thân (trừ quyền công bố tác phẩm); người biểu diễn không được chuyển nhượng các quyền nhân thân
- Chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chỉ được chuyển nhượng quyền của mình trong phạm vi được bảo hộ
- Quyền đối với tên thương mại chỉ được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó
- Quyền đối với nhãn hiệu chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện đối với người có quyền đăng ký nhãn hiệu đó. Việc chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu không được gây ra sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu

◆ **Một số điều kiện hạn chế việc chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản trí tuệ:**

- Bên được chuyển giao quyền không được ký kết hợp đồng thứ cấp với bên thứ ba, trừ trường hợp được bên chuyển giao cho phép
- Bên được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo hợp đồng độc quyền có nghĩa vụ sử dụng sáng chế như chủ sở hữu sáng chế
- Bên được chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu có nghĩa vụ ghi chỉ dẫn trên hàng hoá, bao bì hàng hoá về việc hàng hoá đó được sản xuất theo hợp đồng sử dụng nhãn hiệu; quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể không được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể đó
- Quyền sử dụng tên thương mại không được chuyển giao

Như đã nêu trên, việc chuyển giao tài sản trí tuệ được thực hiện thông qua một hợp đồng bằng văn bản, và tùy theo pháp luật của mỗi nước, hợp đồng này có thể phải được đăng ký với Cơ quan Sở hữu trí tuệ mới có giá trị pháp lý. Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu (trừ nhãn hiệu nổi tiếng), giống cây trồng, hợp đồng chuyển nhượng chỉ có hiệu lực khi đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ; hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng có hiệu lực theo thoả thuận giữa các bên, nhưng chỉ có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba khi đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ (trừ hợp đồng sử dụng nhãn hiệu).

◆ **Nội dung chính của hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ⁹:**

- Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng
- Căn cứ chuyển nhượng (thông tin về văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ)
- Giá chuyển nhượng
- Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng

◆ **Nội dung chính của hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản trí tuệ¹⁰:**

- Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển giao và bên được chuyển giao
- Căn cứ chuyển giao quyền sử dụng (văn bằng bảo hộ đã được cấp cho bên chuyển giao hoặc được chuyển giao

⁹ Xem thêm: Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 sửa đổi (điểm 47)

¹⁰ Xem thêm: Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 sửa đổi (điểm 47)

cho bên chuyển giao)

- *Dạng hợp đồng (độc quyền, độc nhất, không độc quyền, thứ cấp)*
- *Phạm vi chuyển giao, gồm giới hạn quyền sử dụng, giới hạn lãnh thổ*
- *Thời hạn hợp đồng*
- *Giá chuyển giao quyền sử dụng*
- *Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển giao và bên được chuyển giao*

Cần làm gì trước khi ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tài sản trí tuệ?***Xác định rõ ràng các bên:***

...nhằm tránh các tranh chấp, xung đột hoặc khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp, xung đột có liên quan tới danh tính, tình trạng pháp lý của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng, đặc biệt là trong trường hợp có nhiều bên tham gia hợp đồng hoặc có quốc tịch và hoặc cơ sở kinh doanh đặt tại các nước khác nhau.

Phạm vi chuyển giao:

... được xác định bởi việc mô tả cụ thể đối tượng của hợp đồng (chẳng hạn mô tả sản phẩm hoặc quy trình là sáng chế và/hoặc bí quyết kỹ thuật, những tiến bộ công nghệ, nếu có); xác định phạm vi quyền sử dụng của mỗi bên trong hợp đồng, địa điểm thực hiện hành vi đó; xác định thời hạn sử dụng, mục đích sử dụng; xác định các phương tiện hỗ trợ việc sử dụng; ấn định giá chuyển giao; và những cam kết khác nêu trong hợp đồng. Đối với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng thứ cấp, phạm vi chuyển giao thứ cấp phải thuộc phạm vi chuyển giao của hợp đồng trên thứ cấp liên quan.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, trong trường hợp tài sản trí tuệ được chuyển giao là công nghệ, trong đó có chứa đối tượng quyền sở hữu công nghiệp, thì việc chuyển giao công nghệ phải được thực hiện cùng với việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp có thể là một phần nội dung riêng trong hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ ¹¹.

Mô tả sáng chế và bảo mật bí quyết kỹ thuật:

... vì pháp luật về sáng chế thường yêu cầu bản mô tả sáng chế phải bộc lộ hoàn toàn bản chất của sáng chế để cho phép người có trình độ trung bình trong lĩnh vực tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó. Pháp luật về sáng chế còn đòi hỏi phải nêu cả cách thức tối ưu để thực hiện sáng chế, nhưng không đòi hỏi phải mô tả phương tiện, biện pháp bổ sung để tạo thuận lợi cho việc thực hiện sáng chế (có thể bao gồm thông tin và kinh nghiệm kỹ thuật có được trong quá trình thử nghiệm sáng chế, hay các bí quyết kỹ thuật) trong bản mô tả. Vì vậy, các bí quyết kỹ thuật (như sơ đồ bố trí nhà máy, bản vẽ hoặc bản thiết kế máy móc, danh mục phụ tùng, chỉ dẫn vận hành máy móc hoặc dây chuyền thiết bị, đặc tả nguyên liệu, tỷ lệ hoạt chất, phương pháp thí nghiệm và cách tính toán thời gian, chỉ dẫn đóng gói và bảo quản, thông tin về độ ổn định và tác động môi trường...) có thể được mô tả trong một hoặc nhiều phụ lục, hoặc trong bản liệt kê kèm theo hợp đồng, hoặc tách biệt với hợp đồng chuyển giao và phải được doanh nghiệp lưu giữ bằng các biện pháp bảo mật. Bí quyết kỹ thuật có thể được chuyển giao dưới dạng hữu hình (như tài liệu kỹ thuật, sách hướng dẫn...) hoặc vô hình (qua chuyên gia, đào tạo, dịch vụ kỹ thuật...).

¹¹ Xem thêm: Bộ luật Dân sự 2005 (các Điều 754-757), Luật Chuyển giao công nghệ 2006 (các Điều 8, 12, 16, 17, 22)

Bí quyết kỹ thuật thường tạo nên lợi thế cạnh tranh của bên chuyển giao trong lĩnh vực công nghệ liên quan, cũng là một nguồn lực mà bên chuyển giao khai thác để đổi lấy một khoản tiền nhất định, do đó là tài sản trí tuệ có giá trị cần được đặt trong vòng bảo mật. Vì vậy, doanh nghiệp cần thiết lập quy chế bảo mật, hợp đồng bảo mật với đội ngũ nhân sự có liên quan tới bí mật kinh doanh; trong hợp đồng chuyển giao tài sản trí tuệ, phải có quy định cam kết của bên nhận chuyển giao về việc không tiết lộ bí quyết kỹ thuật cho bên thứ ba, trừ những trường hợp đặc biệt và được phép của bên chuyển giao.

Thực hiện quyền sử dụng:

... nhằm mục đích tối đa hoá lợi ích của mỗi bên trong hợp đồng, trong đó các bên có thể quy định rằng bên được chuyển giao sẽ chế tạo, sử dụng hoặc bán sản phẩm theo một phương thức nhất định để đạt được kết quả mong muốn (như chất lượng, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...), có thể kèm theo sự hỗ trợ của bên giao, đặc biệt là việc chuyển giao bí mật kinh doanh.

Điều khoản hạn chế quyền của các bên:

... sẽ mặc nhiên bị vô hiệu nếu hợp đồng chuyển giao có các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển giao, đặc biệt là các điều khoản không xuất phát từ quyền của bên chuyển giao, chẳng hạn:

- Cấm bên được chuyển giao cải tiến đối tượng sở hữu công nghiệp, trừ nhãn hiệu; buộc bên được chuyển giao phải chuyển giao miễn phí cho bên chuyển giao các cải tiến đối tượng sở hữu công nghiệp do bên được chuyển giao tạo ra hoặc quyền đăng ký sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu công nghiệp đối với các cải tiến đó
- Trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế bên được chuyển giao xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ được sản xuất hoặc cung cấp theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp sang các vùng lãnh thổ không phải là nơi mà bên chuyển giao nắm giữ quyền sở hữu công nghiệp tương ứng hoặc có độc quyền nhập khẩu hàng hoá đó
- Buộc bên được chuyển giao phải mua toàn bộ hoặc một tỷ lệ nhất định các nguyên liệu, linh kiện hoặc thiết bị của bên chuyển giao hoặc của bên thứ ba do bên chuyển giao chỉ định mà không nhằm mục đích bảo đảm chất lượng hàng hoá, dịch vụ do bên được chuyển giao sản xuất hoặc cung cấp
- Cấm bên được chuyển giao khiếu kiện về hiệu lực của quyền sở hữu công nghiệp hoặc quyền chuyển giao của bên chuyển giao

Giá chuyển giao, phương thức thanh toán:

... được xác định trên cơ sở nhiều yếu tố, bao gồm bản chất và thời hạn của quyền sở hữu trí tuệ, tương quan vị thế của các bên. Để xác định được mức giá chuyển giao phù hợp, doanh nghiệp là bên chuyển giao cần đánh giá kỹ lưỡng giá trị hoặc nhu cầu đối với tài sản trí tuệ được chuyển giao (đặc biệt là công nghệ), trong đó có các tài sản tương tự hiện có trên thị trường, triển vọng của các tiến bộ công nghệ, năng lực sản xuất và khả năng sinh lợi của bên được chuyển giao. Ngoài ra, bên chuyển giao cũng phải dự tính kế hoạch sản xuất chi tiết và nguồn thu nhập có được từ (những) bên nhận chuyển giao tiềm năng. Để quyết định mua quyền sử dụng, bên nhận chuyển giao thường tính toán tổng số tiền phải thanh toán cho tài sản trí tuệ cần mua so với khả năng có lãi trong thời hạn chuyển giao và cũng dự tính, so sánh với chi phí để có được tài sản thay thế hoặc những khoản thanh toán cho các giao dịch tương đương.

Phương thức thanh toán được quy định trong hợp đồng chuyển giao có thể trực tiếp bằng tiền (trọn gói hoặc theo kỳ vụ hoặc kết hợp trọn gói và kỳ vụ tính theo sản phẩm hoặc doanh thu ròng, có thể kèm theo phí dịch vụ và hỗ trợ kỹ thuật của bên chuyển giao), hoặc gián tiếp và phi tiền tệ (thu nhập từ các hoạt động như tiền hoa

hồng, lợi nhuận từ việc bán nguyên liệu, cổ tức, chia sẻ chi phí duy trì hiệu lực quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao bí mật kinh doanh từ hoạt động thị trường...).

Pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ ở Việt Nam không quy định giới hạn (mức trần hoặc mức sàn) của giá chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, nghĩa là mức giá chuyển giao hoàn toàn phụ thuộc vào thoả thuận giữa hai bên trong hợp đồng.

Giải quyết tranh chấp:

... là điều khoản cần phải có trong hợp đồng chuyển giao quyền đối với tài sản trí tuệ, trong đó thường có quy định về cách thức giải quyết tranh chấp giữa các bên về nội dung của hợp đồng, và thường ưu tiên cách thức đàm phán, thương lượng bằng thiện chí của các bên trong trường hợp có nảy sinh tranh chấp. Tuy nhiên, nếu không giải quyết được tranh chấp bằng cách thức đó, các bên có thể giải quyết thông qua trung gian hoà giải, trọng tài hoặc toà án tại nước do hai bên thoả thuận.

Hợp đồng là một trong những công cụ pháp lý cốt lõi thường được doanh nghiệp sử dụng trong các giao dịch kinh doanh để bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia. Về bản chất, hợp đồng là sự ràng buộc thỏa thuận mang tính pháp lý giữa ít nhất hai bên về việc thừa nhận quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong phạm vi của thoả thuận. Trong các giao dịch kinh doanh liên quan tới tài sản trí tuệ, điều quan trọng là hợp đồng cần phải có các điều khoản về cách ứng xử của mỗi bên, trong đó có việc thiết lập quyền sở hữu, đối với tài sản trí tuệ được tạo ra trong thời hạn của Hợp đồng. Có một số loại hợp đồng được sử dụng phổ biến trong giao dịch kinh doanh nói trên:

- ◆ *Thỏa thuận bảo mật (NDAs): là công cụ nhằm bảo đảm rằng thông tin được trao đổi giữa các bên luôn được giữ bảo mật mà không phụ thuộc vào kết quả của giao dịch. Các doanh nghiệp cần lưu tâm tới việc thiết lập thỏa thuận bảo mật, ngay cả trong các cuộc thảo luận ban đầu giữa hai bên có liên quan tới việc cung cấp thông tin bí mật. Trong khuôn khổ thỏa thuận này, doanh nghiệp cần đánh dấu tài liệu 'bảo mật' và lưu giữ biên bản chi tiết về những nội dung được thảo luận.*
- ◆ *Thỏa thuận đối tác kinh doanh (BPAs): là công cụ nhằm ghi nhận dự định tham gia mối quan hệ đối tác giữa các bên trong việc phát triển và cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Đối với tài sản trí tuệ, thỏa thuận đối tác kinh doanh cần quy định về quyền sở hữu của mỗi bên đối với tài sản trí tuệ được tạo ra, sử dụng trong thời hạn thỏa thuận, cách thức chia sẻ thu nhập và rủi ro, cách thức thương mại hóa tài sản trí tuệ của mỗi bên trong phạm vi thỏa thuận.*
- ◆ *Thỏa thuận thuê ngoài (OAs): là công cụ nhằm triển khai nhiệm vụ kinh doanh cụ thể giữa doanh nghiệp khách hàng với nhà cung cấp bên ngoài. Trong thỏa thuận thuê ngoài, cần phải có điều khoản về chủ thể sở hữu đối với tài sản trí tuệ được tạo ra và cách thức chuyển giao quyền đối với tài sản trí tuệ của nhà cung cấp bên ngoài cho doanh nghiệp khách hàng.*
- ◆ *Hợp đồng lao động (ECs): là công cụ nhằm ghi nhận chi tiết mối quan hệ hợp đồng giữa doanh nghiệp và người lao động của doanh nghiệp. Liên quan tới tài sản trí tuệ, hợp đồng lao động cần phải quy định rõ ràng về cách thức chuyển giao quyền đối với tài sản trí tuệ do chính người lao động tạo ra trong thời hạn hợp đồng cho doanh nghiệp và các nghĩa vụ của người lao động liên quan tới việc giữ bảo mật thông tin ngay cả sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng.*

Quản lý giá trị của tài sản trí tuệ

Quản lý giá trị tài sản trí tuệ là việc doanh nghiệp thực hiện các biện pháp xác định giá trị của tài sản trí tuệ do mình tạo ra và/hoặc sở hữu, duy trì và phát triển giá trị đó nhằm mang lại lợi ích tối đa cho doanh nghiệp. Đây là một công việc quan trọng của hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Một cách khái quát, giá trị của tài sản trí tuệ được hiểu là giá trị của lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản trí tuệ được xác định vào thời điểm hiện tại, được biểu hiện dưới hình thức giá cả. Trong toàn bộ khối tài sản

của doanh nghiệp, giá trị khối tài sản trí tuệ được biểu hiện bởi chênh lệch giữa giá trị thị trường của doanh nghiệp và giá trị kế toán của các tài sản hữu hình và tài chính của doanh nghiệp đó.

Khi nào cần xác định giá trị của tài sản trí tuệ?

Hầu hết các hoạt động liên quan đến thương mại hóa tài sản trí tuệ đều cần có thông tin về giá trị của tài sản trí tuệ. Cụ thể, doanh nghiệp cần xác định giá trị của (khối) tài sản trí tuệ do mình tạo ra và/hoặc sở hữu khi tiến hành những hoạt động dưới đây:

- ✓ Chuyển giao quyền sở hữu (bán) hoặc quyền sử dụng (li-xăng) tài sản trí tuệ: xác định giá trị của hợp đồng chuyển giao
- ✓ Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp: xác định giá trị doanh nghiệp dựa vào tỷ trọng (mức độ đóng góp) của các tài sản trí tuệ vào tổng giá trị thị trường của doanh nghiệp
- ✓ Tiết kiệm chi phí: việc duy trì các tài sản trí tuệ mang lại lợi ích và cũng đòi hỏi phải chi phí, đặc biệt là chi phí duy trì hiệu lực quyền sở hữu trí tuệ. Việc thẩm định giá chính xác nhằm xác định tài sản trí tuệ nào cần tiếp tục phát triển hoặc nên loại bỏ vì không mang lại lợi ích lớn hơn chi phí trong hoạt động kinh doanh
- ✓ Góp vốn đầu tư, liên doanh hay liên minh chiến lược: xác định chính xác giá trị phần sở hữu (vốn) tương ứng của doanh nghiệp trong dự án đầu tư hoặc liên doanh, liên kết kinh doanh
- ✓ Cổ phần hoá, phát hành cổ phiếu: xác định giá trị của doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp khi tham gia cổ phần hoá hoặc phát hành cổ phiếu ra công chúng
- ✓ Ký quỹ và chứng khoán hóa: xác định giá trị của tài sản trí tuệ để sử dụng như khoản bảo đảm tại các ngân hàng có xu hướng chấp nhận tài sản trí tuệ làm vật ký quỹ để cho vay
- ✓ Hưởng thuế ưu đãi từ việc biếu tặng tài sản trí tuệ: xác định giá trị của tài sản trí tuệ được biếu tặng (thường là cho các tổ chức phi lợi nhuận) làm cơ sở để các cơ quan thuế tính toán mức ưu đãi thuế cho doanh nghiệp biếu tặng

Xác định giá trị của tài sản trí tuệ như thế nào?

Xác định giá trị, hay “thẩm định giá”, của tài sản trí tuệ là nội dung quan trọng của quản lý giá trị tài sản trí tuệ. Nói chung, mục đích của việc thẩm định giá bất kỳ loại loại tài sản nào, đặc biệt là tài sản trí tuệ, là nhằm giúp cho doanh nghiệp sở hữu tài sản đó quyết định phương thức hiệu quả nhất về mặt kinh tế để sử dụng, bán, bảo vệ, bảo hiểm, nâng giá hay trao đổi tài sản trên thị trường. Về nguyên tắc, việc xác định giá trị của tài sản trí tuệ có thể được thực hiện nếu như tài sản đó được xác định và tách bạch một cách rõ ràng khỏi các tài sản khác.

Hiện nay, có ba nhóm phương pháp thẩm định giá tài sản trí tuệ phổ biến: (i) nhóm phương pháp chi phí; (ii) nhóm phương pháp thu nhập; và (iii) nhóm phương pháp thị trường (so sánh)¹². Ngoài ra, còn có một số phương pháp khác mang tính bổ trợ như phương pháp dựa trên quyền chọn, phương pháp dựa trên thị trường chứng khoán, phương pháp dựa trên dữ liệu duy trì hiệu lực sáng chế...

● *Nhóm phương pháp chi phí*

Phương pháp chi phí là phương pháp xác định giá trị của tài sản trí tuệ bằng cách tính toán chi phí tạo ra và phát triển chính tài sản đó hoặc tài sản có bản chất tương tự.

¹² Xem thêm: Thông tư 39/2014/TTLTBKHCN-BTC ngày 17/12/2014; Thông tư 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014

Theo loại chi phí, có thể chia thành hai phương pháp thẩm định giá sau đây:

- ◆ **Phương pháp chi phí tái tạo:** dựa trên việc xác định chi phí thực sự được bỏ ra để tạo ra và phát triển tài sản trí tuệ (còn gọi là chi phí lịch sử), bao gồm vốn đầu tư và lãi suất theo thời gian của vốn đầu tư. Phương pháp này thường được sử dụng để thẩm định giá tài sản trí tuệ trong giai đoạn nghiên cứu, triển khai.
- ◆ **Phương pháp chi phí thay thế:** dựa trên việc xác định chi phí để thay thế tài sản trí tuệ hoặc phát triển tài sản khác có bản chất tương đương, bao gồm chi phí vốn đầu tư và chi phí lãi suất vốn trên cơ sở có tính toán chi phí bảo hiểm rủi ro hợp lý trong trường hợp tài sản trí tuệ (công nghệ) bị lạc hậu. Phương pháp này thường được sử dụng để thẩm định giá tài sản trí tuệ khi tiến hành đàm phán mua bán tài sản trí tuệ giữa các bên.

Theo nhóm phương pháp này, giá trị của tài sản trí tuệ được xác định như sau:

Giá trị tài sản trí tuệ = chi phí tái tạo (hoặc chi phí thay thế) - hao mòn lũy kế + lợi nhuận của nhà sản xuất

Phương pháp chi phí thường được áp dụng đối với những tài sản trí tuệ có lợi ích kinh tế trong tương lai chưa rõ rệt, hoặc nhằm hỗ trợ cho phương pháp thu nhập, hoặc cho mục đích ghi nhận trong sổ sách kế toán.

- **Nhóm phương pháp thu nhập**

Phương pháp thu nhập là phương pháp xác định lợi ích kinh tế ròng (thu nhập) của tài sản trí tuệ trong suốt vòng đời kinh tế của nó, trên cơ sở ước tính giá trị hiện tại của dòng doanh thu trong tương lai từ việc thương mại hóa tài sản trí tuệ. Vòng đời kinh tế của tài sản trí tuệ có thể ngắn hơn hoặc tương đương với thời hạn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Theo loại thu nhập, có thể chia thành ba phương pháp thẩm định giá sau đây:

- ◆ **Phương pháp giá chuyển giao:** dựa trên việc xác định mức giá chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng) giá định đối với tài sản trí tuệ trên cơ sở kinh nghiệm thị trường, tức là xác định giá chuyển quyền sử dụng tại thời điểm hiện tại dựa vào giá thị trường của các tài sản trí tuệ tương đương. Giá định của phương pháp này là tổ chức hoặc cá nhân không sở hữu tài sản trí tuệ phải trả tiền để sử dụng nó, vì vậy giá trị tài sản trí tuệ chính là khoản tiền sử dụng tài sản trí tuệ tiết kiệm được nếu tổ chức hoặc cá nhân có sở hữu tài sản đó. Phương pháp này thường được áp dụng trong các giao dịch mua bán tài sản trí tuệ.
- ◆ **Phương pháp thu nhập tăng thêm:** dựa trên việc xác định giá trị hiện tại của các dòng tiền được cho là phát sinh từ đóng góp của tài sản trí tuệ sau khi loại trừ dòng tiền phát sinh từ đóng góp của các tài sản khác khỏi dòng tiền phát sinh từ toàn bộ khối tài sản của doanh nghiệp. Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong thẩm định giá tài sản trí tuệ.
- ◆ **Phương pháp lợi nhuận vượt trội:** dựa trên việc xác định khoản tiền chênh lệch của giá trị hiện tại của hai dòng tiền chiết khấu trong trường hợp tài sản trí tuệ được sử dụng để tạo ra lợi nhuận vượt trội cho doanh nghiệp và trong trường hợp doanh nghiệp không sử dụng tài sản đó. Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong thẩm định giá tài sản trí tuệ.

Để xác định dòng thu nhập tăng thêm trong tương lai được chiết khấu, doanh nghiệp cần phải tiến hành dự báo hàng năm về các luồng thu nhập tiền lãi trong tương lai do sử dụng tài sản trí tuệ, xác định thời gian sử dụng tài sản trí tuệ và tỷ suất chiết khấu, sau đó chiết khấu vào giá trị hiện tại.

Phương pháp thu nhập được áp dụng phổ biến đối với hầu hết các loại tài sản trí tuệ do có tính toán tới thu nhập (lợi ích) tiềm năng trong tương lai của tài sản trí tuệ.

- **Nhóm phương pháp thị trường (so sánh)**

Phương pháp thị trường là phương pháp xác định giá trị tài sản trí tuệ dựa trên việc so sánh giá trị bán tài sản trí tuệ hoặc tài sản tương đương trên thị trường. Nói cách khác, giá trị của tài sản trí tuệ được xác định dựa vào việc so sánh, phân tích thông tin của các tài sản trí tuệ tương tự có giá giao dịch trên thị trường. Điều kiện thực hiện

phương pháp này là phải có một thị trường tài sản trí tuệ công khai và năng động, các tài sản trí tuệ trên thị trường đều có khả năng so sánh và dễ dàng tiếp cận các thông tin về giá cả.

Thông tin về giá cả thường được sử dụng trong nhóm phương pháp này là thông tin về khung giá chuyển giao tài sản trí tuệ được công bố trong lĩnh vực công nghiệp hoặc kinh doanh liên quan vào thời điểm nhất định hoặc được thu thập qua nhiều năm, vì đó thường là những thông tin sẵn có hơn trên thị trường. Các dữ liệu về giá chuyển giao được sử dụng để tính toán giá trị so sánh của tài sản trí tuệ. Phương pháp này dựa trên giả định rằng dòng thu nhập tương lai là thước đo giá trị mà tài sản trí tuệ mang lại cho hàng hóa, vì vậy giá trị hiện tại của dòng thu nhập được biểu hiện qua giá chuyển giao chính là giá trị của tài sản trí tuệ.

♦ Trong một số trường hợp, "quy tắc 25%" được áp dụng để xác định mức giá chuyển giao thỏa đáng cho việc sử dụng tài sản trí tuệ. Theo quy tắc này, mức giá chuyển giao (thường tính trên doanh thu) được xác định trên cơ sở bên chuyển giao nhận 25% lợi nhuận từ việc lưu thông hàng hóa mang nhãn hiệu hoặc chứa sáng chế, bên nhận chuyển giao nhận 75% lợi nhuận để bù đắp rủi ro và chi phí phát triển, sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường.

Phương pháp thị trường được sử dụng trong trường hợp thị trường sẵn có các thông tin về giá chuyển giao tài sản trí tuệ, và có thể sử dụng để kiểm tra sự chính xác của các phương pháp thẩm định giá khác.

Theo dõi, kiểm tra giá trị của tài sản trí tuệ:

Giá trị của tài sản trí tuệ cần được doanh nghiệp thường xuyên theo dõi, kiểm tra thông qua nhiều phương thức khác nhau như đo lường, đánh giá các chỉ tiêu tài chính (doanh thu hiện tại và tương lai, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực tương ứng, dòng tiền tệ quy đổi về giá trị hiện tại và các chỉ tiêu tài chính khác), khảo sát, điều tra khách hàng và kênh phân phối (mức độ quan tâm của khách hàng, mức độ nhận biết và ghi nhớ của khách hàng đối với hàng hóa/dịch vụ, độ phủ của kênh phân phối, hình ảnh tài sản trí tuệ trong tâm trí khách hàng...), đánh giá tiềm năng phát triển trong tương lai (khả năng mở rộng sản phẩm, khả năng tăng thị phần/số lượng khách hàng, khả năng gia tăng năng suất, doanh thu, tiết kiệm chi phí...), phân tích so sánh giá trị của tài sản trí tuệ qua các thời kỳ khác nhau để đánh giá xu hướng phát triển.

Xác định các yếu tố nội tại và ngoại cảnh ảnh hưởng tới giá trị tài sản trí tuệ:

Các yếu tố nội tại ảnh hưởng tới giá trị của tài sản trí tuệ bao gồm: nguồn lực vốn trí tuệ, vị thế độc quyền của doanh nghiệp, tiềm lực thị trường của doanh nghiệp, uy tín của doanh nghiệp, quy mô cung cấp/phân phối hàng hóa/dịch vụ ra thị trường, cách thức lựa chọn và tính toán chi phí...

Các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng tới giá trị của tài sản trí tuệ bao gồm: lãi suất ngân hàng, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá hối đoái, mức độ có sẵn tài sản trí tuệ thay thế trên thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng, nhu cầu của thị trường/lĩnh vực liên quan tới tài sản trí tuệ, chính sách liên quan đến tiêu dùng của chính phủ...

Trong các yếu tố nội tại và ngoại cảnh nêu trên, doanh nghiệp cần phải xác định yếu tố nào có ảnh hưởng lớn nhất hoặc có tính chất quyết định giá trị của (khối) tài sản trí tuệ, từ đó thực hiện biện pháp điều chỉnh cần thiết trong phạm vi khả năng, nguồn lực của doanh nghiệp.

Thương mại hóa tài sản trí tuệ phù hợp với giá trị:

Trong trường hợp tài sản trí tuệ tiếp tục có giá trị kinh tế hoặc có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai, tài sản trí tuệ đó cần được tiếp tục đưa vào thương mại hóa, trong đó quyền sở hữu trí tuệ cần tiếp tục được duy trì hiệu lực. Trong trường hợp ngược lại, doanh nghiệp cần cân nhắc phương án thu hẹp quy mô sản xuất, khai thác, marketing, phân phối hàng hóa/dịch vụ, hoặc chuyển nhượng quyền đối với tài sản trí tuệ, hoặc không tiếp tục duy trì hiệu lực quyền sở hữu trí tuệ.

Tính đến nay trong cả nước có khoảng hơn 200 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá với khoảng hơn 1.000 thẩm định viên về giá¹³. Trong đó, Viện Khoa học sở hữu trí tuệ (trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) cũng có chức năng định giá tài sản trí tuệ (xem thêm <http://vipri.gov.vn/dinh-gia/quy-dinh-ve-hoat-dong-dinh-gia>). Doanh nghiệp có thể tham vấn và tìm kiếm sự trợ giúp của các thẩm định viên về giá trong trường hợp cần quản lý giá trị tài sản trí tuệ phục vụ những mục tiêu nhất định trong hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ, sản xuất và kinh doanh.

BẢO VỆ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Bảo vệ tài sản trí tuệ là gì?

Bảo vệ tài sản trí tuệ là việc doanh nghiệp (chủ thể quyền sở hữu trí tuệ) thực hiện các quyền tự bảo vệ đối với tài sản trí tuệ của mình nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm quyền đối với tài sản do người thứ ba thực hiện. Bảo vệ tài sản trí tuệ cũng là nhằm thực hiện mục tiêu của hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ, đó là bảo vệ các thành quả đầu tư sáng tạo, thúc đẩy các hoạt động đổi mới, ngăn chặn tệ nạn sử dụng bất hợp pháp kết quả sáng tạo của người khác, tệ nạn làm hàng giả và sao chép lậu, bảo đảm cạnh tranh công bằng, trung thực, từ đó tạo động lực cho phát triển.

Doanh nghiệp có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ tài sản trí tuệ của mình:

- ✓ Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ
- ✓ Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại
- ✓ Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật¹⁴

Khi nào quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm?

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền hợp pháp của doanh nghiệp đối với tài sản trí tuệ do doanh nghiệp tạo ra và/hoặc sở hữu. Trong đó, quyền sở hữu trí tuệ chỉ được coi là hợp pháp khi nó phát sinh/được xác lập phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thời điểm phát sinh quyền. Quyền sở hữu trí tuệ chỉ có hiệu lực trong phạm vi bảo hộ, thời hạn bảo hộ, lãnh thổ bảo hộ nhất định và với nội dung của quyền tương ứng. Trong các nội dung đó, đáng chú ý là quyền ngăn cấm người khác sử dụng quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Về nguyên tắc, mọi hành vi sử dụng tài sản trí tuệ do doanh nghiệp sở hữu hợp pháp trong thời hạn hiệu lực của quyền sở hữu trí tuệ tương ứng mà không được sự cho phép của doanh nghiệp đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ¹⁵.

Tuy nhiên, doanh nghiệp cần lưu ý thêm một số điều kiện ràng buộc và hạn chế đối với quyền sở hữu trí tuệ như sau:

- **Hạn chế về không gian (lãnh thổ):** quyền sở hữu trí tuệ chỉ tồn tại trong lãnh thổ mà nó được thừa nhận (các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trên cơ sở đăng ký thì chỉ tồn tại ở nơi mà nó được đăng ký, ở nơi khác sẽ không

¹³ Để biết thêm thông tin chi tiết về các thẩm định viên về giá và các tổ chức dịch vụ thẩm định giá, xem thêm https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/dn/ttdvtc/ttdvq;jsessionid=52rdcRGZz-tUwevK5GxTZ6q5veLNU6T1dkeAwQfc59n07ntcqEJ5I-1269661563!-117143371?centerWidth=100%25&leftWidth=0%25&rightWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&_adf.ctrl-state=fp8flcswl_108&_afLoop=64681121436893339

¹⁴ Xem thêm: Luật Sở hữu trí tuệ (các Điều 198-200)

¹⁵ Xem thêm: Luật Sở hữu trí tuệ (các Điều 28, 35, 126, 127, 129, 188)

tồn tại quyền đó);

- *Hạn chế về thời gian (thời hạn)*: đa số loại quyền sở hữu trí tuệ chỉ tồn tại trong một thời hạn nhất định. Ngoài thời hạn đó, các quyền tự động mất đi, tài sản trí tuệ trở thành vô chủ hoặc của tất cả mọi người (bất kỳ ai cũng có thể sử dụng mà không bị ngăn cấm). Thời hạn như vậy do pháp luật ấn định khác nhau cho từng loại tài sản trí tuệ;

- *Hạn chế bởi quyền của người khác hoặc vì lợi ích của cộng đồng*: với một số loại tài sản trí tuệ và tương ứng với một số nội dung cụ thể, quyền sở hữu trí tuệ có thể bị hạn chế bởi:

√ quyền hợp pháp và chính đáng của người khác đã tồn tại từ trước, ví dụ quyền sử dụng trước sáng chế, kiểu dáng công nghiệp; trong trường hợp này, việc thực hiện quyền nói trên trong phạm vi thích hợp sẽ không bị coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ không được ngăn cấm việc thực hiện đó

√ vì lợi ích chính đáng của người khác, ví dụ quyền trích dẫn tác phẩm, quyền sao chép có giới hạn tác phẩm để nghiên cứu khoa học hoặc học tập, quyền sử dụng tác phẩm đã công bố mà không cần xin phép chủ sở hữu (nhưng phải trả tiền)...

√ vì lợi ích cộng đồng - xã hội, ví dụ chủ sở hữu sáng chế phải trao quyền sử dụng sáng chế (li-xăng không tự nguyện) cho người khác để đáp ứng các nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân; hoặc chủ sở hữu sáng chế không được sử dụng sáng chế gây hại cho lợi ích xã hội...

- *Hạn chế bởi nghĩa vụ của chủ sở hữu trí tuệ*: với một số loại tài sản trí tuệ, tương ứng với một số nội dung cụ thể, chủ sở hữu trí tuệ phải thực hiện một hoặc một số nghĩa vụ; nếu không thì quyền sở hữu trí tuệ có thể bị vô hiệu hoặc bị thu hẹp. Ví dụ, với quyền sở hữu sáng chế, chủ sở hữu phải nộp lệ phí duy trì hiệu lực của “Bằng độc quyền” hàng năm và trong suốt thời hạn hiệu lực của Bằng độc quyền, nếu không thì Bằng độc quyền bị mất hiệu lực và quyền đối với sáng chế bị chấm dứt.

Cần làm gì khi quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm?

Để bảo đảm các điều kiện pháp lý khi thực hiện quyền sở hữu trí tuệ, khi xảy ra tranh chấp, xâm phạm, vi phạm quyền hợp pháp đối với tài sản trí tuệ, doanh nghiệp cần xem xét tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm giải quyết theo trình tự quy định với các biện pháp chế tài dân sự, hành chính hoặc hình sự một cách phù hợp.

Việc thương mại hóa tài sản trí tuệ luôn gắn liền với những rủi ro do nảy sinh các tranh chấp, xung đột quyền sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm, doanh nghiệp cần tìm kiếm sự hỗ trợ của các cơ quan thực thi¹⁶. Những cơ quan này đóng vai trò công cụ quyền lực bảo hộ sở hữu trí tuệ thông qua việc áp dụng các biện pháp chế tài nhằm xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Nếu muốn các tranh chấp, xung đột quyền được giải quyết bằng biện pháp dân sự (thậm chí hình sự), trong đó các thiệt hại dân sự thực tế của doanh nghiệp do hậu quả của hành vi xâm phạm được bồi thường thỏa đáng và hành vi xâm phạm bị ngăn chặn, doanh nghiệp cần cân nhắc tìm kiếm sự trợ giúp của các Tòa án, vì đây là cơ quan thực hiện các biện pháp dân sự giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ (theo phân công thẩm quyền quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự) hoặc thực hiện các biện pháp hình sự xử lý các tội liên quan đến sở hữu trí tuệ. Nếu muốn các tranh chấp, xung đột quyền được giải quyết bằng biện pháp hành chính, trong đó người có hành vi xâm phạm phải chịu các chế tài mang tính răn đe và phòng ngừa, doanh nghiệp cần cân nhắc tìm kiếm sự trợ giúp của ủy ban nhân dân các cấp; thanh tra chuyên ngành khoa học - công nghệ, văn hoá - thể thao - du lịch, nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản lý thị trường; công an kinh tế (xử lý các vi phạm về sở hữu trí tuệ xảy ra trong nội địa); hải quan (xử lý các vi phạm về sở hữu trí tuệ đối với hàng hoá xuất nhập khẩu).

¹⁶ Xem thêm: Luật Sở hữu trí tuệ (Điều 200)

Bảo vệ tài sản trí tuệ bằng biện pháp chế tài dân sự, hình sự:

Để bảo vệ tài sản trí tuệ bằng biện pháp chế tài dân sự, hình sự nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp có thể khởi kiện tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của mình ra tòa án theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, hình sự.

Hiện nay, cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp dân sự giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ gồm có các Tòa án dân sự (theo phân công thẩm quyền quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành).

Cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp hình sự xử lý các tội phạm liên quan đến sở hữu trí tuệ gồm có các Tòa án hình sự (theo phân công thẩm quyền quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành).

Trong trường hợp cần thiết, Tòa án (dân sự hoặc hình sự) có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện chế tài dân sự, hình sự.

Bảo vệ tài sản trí tuệ bằng biện pháp chế tài hành chính:

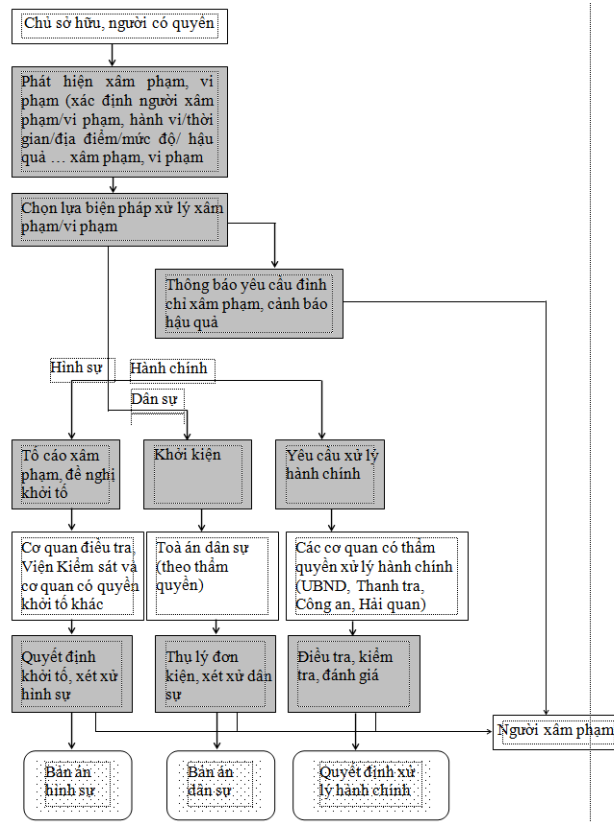
Để bảo vệ tài sản trí tuệ bằng biện pháp chế tài hành chính nhằm phòng ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của mình theo trình tự, thủ tục hành chính.

Hiện nay, trong nội địa, các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ gồm có Ủy ban nhân dân các cấp; quản lý thị trường; thanh tra chuyên ngành; công an kinh tế.

- ✓ Ủy ban nhân dân các cấp (từ cấp huyện trở lên): cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ xảy ra tại địa phương thuộc thẩm quyền của mình
- ✓ Thanh tra chuyên ngành khoa học - công nghệ/văn hoá - thể thao - du lịch/nông nghiệp và phát triển nông thôn: cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ xảy ra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác, quảng cáo, lưu thông hàng hóa, dịch vụ
- ✓ Quản lý thị trường: cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ xảy ra trong lưu thông hàng hóa và kinh doanh thương mại, dịch vụ trên thị trường
- ✓ Công an kinh tế: cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ của hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp để cung cấp cho các cơ quan xử lý hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ nêu trên

Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan nêu trên có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Tại biên giới, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ gồm có các cơ quan hải quan từ Trung ương tới địa phương. Các cơ quan này có thẩm quyền thực hiện biện pháp kiểm soát biên giới và xử lý vi phạm về sở hữu trí tuệ đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan này có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.



Nguồn: tác giả tổng hợp

Cách thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

CÁC DỊCH VỤ BỔ TRỢ CHO QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Khi thực hiện các hoạt động quản trị tài sản trí tuệ, cũng như tiến hành xác lập quyền, thương mại hóa, bảo vệ quyền đối với tài sản trí tuệ, doanh nghiệp có thể sử dụng các dịch vụ trợ giúp về pháp lý, kỹ thuật và kinh tế. Các dịch vụ này đóng vai trò công cụ hỗ trợ cho quá trình tạo dựng, phát triển các tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, bao gồm: dịch vụ thông tin sở hữu công nghiệp (chủ yếu là thông tin sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu), dịch vụ đại diện về sở hữu trí tuệ, dịch vụ tư vấn, giám định, thẩm định giá về sở hữu trí tuệ.

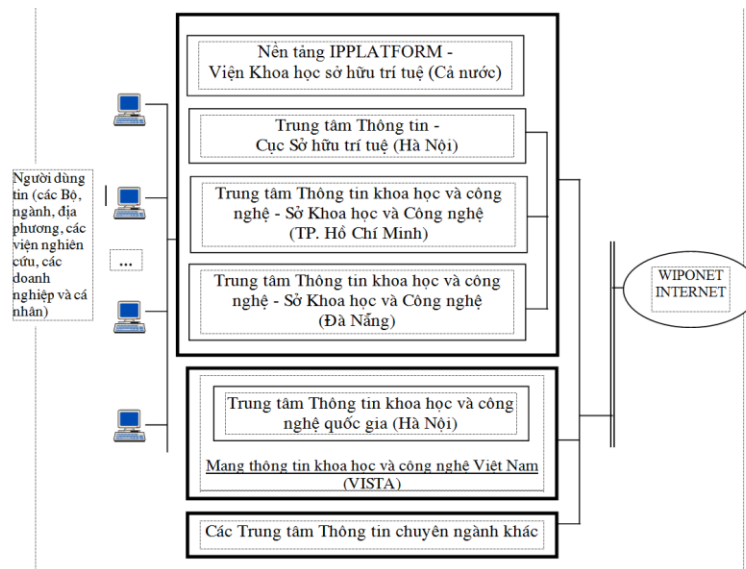
Dịch vụ thông tin sở hữu công nghiệp:

Thông tin sở hữu công nghiệp là nguồn lực có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Khai thác tốt thông tin sở hữu công nghiệp không chỉ giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định quản trị đúng đắn về tài sản trí tuệ trong sản xuất, kinh doanh mà còn mang lại lợi thế thị trường trước đối thủ cạnh tranh và quản lý rủi ro phát sinh từ xung đột quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp. Nói chung, doanh nghiệp cần tra cứu, phân tích thông tin sở hữu công nghiệp khi thực hiện các công việc sau đây:

- ✓ Nộp đơn đăng ký sở hữu công nghiệp
- ✓ Theo dõi tình trạng pháp lý của đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

- ✓ Đánh giá thực tiễn xác lập quyền sở hữu công nghiệp
- ✓ Đánh giá khả năng bảo hộ đối với tài sản trí tuệ
- ✓ Phân tích xu hướng phát triển của những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hoặc ngành công nghiệp
- ✓ Đánh giá khả năng thương mại hóa tài sản trí tuệ; khả năng tranh chấp, xung đột quyền sở hữu trí tuệ
- ✓ Thực hiện các nội dung giám định về sở hữu trí tuệ
- ✓ Quản lý giá trị của tài sản trí tuệ

Hiện nay, hệ thống thông tin sở hữu công nghiệp ở Việt Nam chủ yếu bao gồm các tư liệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu. Những thông tin này được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp, gồm có các thông tin đã được công bố, được tập hợp một cách chọn lọc, có hệ thống, phù hợp với các mục đích tra cứu thông tin, như các đơn đăng ký sở hữu công nghiệp; các văn bằng bảo hộ đã được cấp và các quyền sở hữu công nghiệp đã được thừa nhận bảo hộ tại Việt Nam; các bằng độc quyền sáng chế đã được cấp bởi các nước/khu vực có nền khoa học và công nghệ tiên tiến; và một số loại văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp khác tùy thuộc vào mục đích sử dụng thông tin.



Nguồn: tác giả tổng hợp

Hệ thống thông tin sở hữu công nghiệp

Doanh nghiệp có thể sử dụng các dịch vụ thông tin với Nền tảng IPPlatform (do Viện Khoa học sở hữu trí tuệ xây dựng và vận hành). Dựa trên cơ sở dữ liệu quốc gia về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu... được cập nhật thường xuyên, Nền tảng IPPlatform cung cấp các công cụ khai thác thông tin đa dạng, thân thiện được phát triển để đáp ứng kịp thời nhu cầu phong phú của người dùng tin, tận dụng nguồn tài nguyên tri thức về sở hữu trí tuệ (đặc biệt là công nghệ) được tập hợp ở trong nước cũng như ở các nước/khu vực tiên tiến ([xem thêm http://ipplatform.vipri.gov.vn/](http://ipplatform.vipri.gov.vn/)).

Ngoài nguồn thông tin nói trên, để tra cứu các thông tin về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, doanh nghiệp có thể sử dụng một số công cụ tra cứu khác của Cục Sở hữu trí tuệ, như DigiPat ([xem thêm http://digipat.noip.gov.vn/default.aspx?index=1](http://digipat.noip.gov.vn/default.aspx?index=1)), IP Lib ([xem thêm http://iplib.noip.gov.vn/WebUI/WSearchPAT.php](http://iplib.noip.gov.vn/WebUI/WSearchPAT.php)), WIPO Publish ([xem thêm http://wipopublish.noip.gov.vn/wopublish-](http://wipopublish.noip.gov.vn/wopublish-)

search/public/home;jsessionid=0E87E3EDAD5FACF22A80BDE9F2C9CED0?0), hoặc của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (xem thêm http://khcn.vista.gov.vn/#/web/quest/cong_nghie).

Dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ:

Để hỗ trợ xác lập, duy trì, bảo vệ quyền đối với tài sản trí tuệ, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ. Các dịch vụ này được cung cấp bởi các tổ chức, cá nhân có chức năng thay mặt doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đăng ký, bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ trước các cơ quan có thẩm quyền; trong số đó có các tổ chức kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp và những người hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp. Hiện nay (tính đến ngày 30/11/2019), trong cả nước có 256 Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp với 297 Người đại diện sở hữu công nghiệp. Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi lựa chọn một tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ có chất lượng dịch vụ và trình độ chuyên môn của người hành nghề phù hợp (xem thêm <http://www.noip.gov.vn/web/quest/-ai-dien-so-huu-cong-nghiep>).

Ngoài các dịch vụ đại diện sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp cũng có thể tìm kiếm sự hỗ trợ của các tổ chức khác như các liên minh tập thể bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp - xã hội, các tổ chức tập thể, các chủ thể sở hữu trí tuệ), chẳng hạn các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả (Hội bảo vệ quyền của nghệ sĩ biểu diễn âm nhạc Việt Nam, Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam, Hiệp hội công nghiệp ghi âm Việt Nam, Trung tâm Bảo vệ Quyền tác giả âm nhạc Việt Nam), Hội Sở hữu trí tuệ (gồm các đại diện sở hữu trí tuệ và các tổ chức, cá nhân quan tâm, có lợi ích về sở hữu trí tuệ), Hội Sáng chế Việt Nam (gồm các thành viên là nhà sáng chế), có chức năng liên kết, đại diện cho các chủ sở hữu trí tuệ thực hiện các biện pháp theo dõi, phát hiện các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và tiến hành các biện pháp để bảo vệ quyền của thành viên (xem thêm <http://www.cov.gov.vn/chuyen-muc/to-chuc-quan-ly-tap-the>, hoặc <http://www.vipa.com.vn/>, hoặc <http://startup.gov.vn/noidung/csdl/Pages/tochuhotro.aspx>).

Dịch vụ tư vấn, giám định về sở hữu trí tuệ:

Để hỗ trợ việc tạo lập, thương mại hóa tài sản trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ tư vấn, giám định về sở hữu trí tuệ. Trong đó, giám định về sở hữu trí tuệ là một khâu quan trọng trong trình tự xử lý các tranh chấp, giải quyết các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, cũng như đánh giá khả năng thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ trong thực tế. Trong bối cảnh các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ sử dụng kết luận giám định làm chứng cứ pháp lý để đánh giá hành vi xâm phạm, đưa ra các quyết định xử lý vụ việc, doanh nghiệp cần sử dụng dịch vụ do tổ chức giám định và giám định viên về sở hữu trí tuệ cung cấp để bảo đảm tính hiệu quả của hoạt động bảo vệ tài sản trí tuệ.

Hiện nay, Viện Khoa học sở hữu trí tuệ là tổ chức giám định về sở hữu trí tuệ của Nhà nước với đội ngũ giám định viên, chuyên gia giàu kinh nghiệm cung cấp các dịch vụ tư vấn, giám định về sở hữu trí tuệ (sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý), bao gồm các nội dung:

- ◆ *Xác định phạm vi bảo hộ của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ*
- ◆ *Xác định đối tượng được xem xét có trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép với đối tượng được bảo hộ hay không*
- ◆ *Xác định đối tượng được xem xét có đáp ứng các điều kiện để bị coi là yếu tố xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hay không*
- ◆ *Xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ, xác định giá trị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền*

(xem thêm <http://www.vipri.gov.vn/giam-dinh>)

Dịch vụ thẩm định giá tài sản trí tuệ và các dịch vụ khác:

Để hỗ trợ việc thương mại hóa tài sản trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ thẩm định giá tài sản trí tuệ do các tổ chức có chức năng thẩm định giá và thẩm định viên về giá trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ cung cấp (xem thêm <http://vipri.gov.vn/dinh-gia/quy-dinh-ve-hoat-dong-dinh-gia>).

Đồng thời, để nâng cao chất lượng quản trị tài sản trí tuệ nhằm đạt mục tiêu chiến lược kinh doanh, doanh nghiệp cần thiết lập và gây dựng tổ chức (bộ phận), nhân sự chuyên trách làm công tác quản trị tài sản trí tuệ. Đội ngũ quản trị viên tài sản trí tuệ thuộc doanh nghiệp nêu trên cần được huấn luyện thường xuyên về kiến thức, kỹ năng liên quan tới mọi khía cạnh pháp lý, kỹ thuật và kinh tế của tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ.

Để được cung cấp dịch vụ thẩm định giá tài sản trí tuệ, tư vấn, huấn luyện về quản trị tài sản trí tuệ, doanh nghiệp có thể trực tiếp giao dịch với Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có địa chỉ tại 39 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm (Hà Nội), hoặc 273 Điện Biên Phủ, quận 3 (TP. Hồ Chí Minh) (xem thêm <http://vipri.gov.vn/>).



Doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với **Viện Khoa học sở hữu trí tuệ** để được tư vấn, trợ giúp kịp thời về các khía cạnh pháp lý, kinh tế, kỹ thuật liên quan tới tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ:

♣ Trụ sở tại Hà Nội:

39 Trần Hưng Đạo, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel.: 024-35563450, 35563451, 35563452

Fax.: 024-35563407

Email: ipacademy@vipri.gov.vn

♣ VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh:

273 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel.: 028-26622882

Email: ipacademy-hcmc@vipri.gov.vn

 <http://vipri.gov.vn/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bascavusoglu-Moreau, E., Tether, B. (2011), Design economics Chapter Two: Registered designs & business performance - exploring the links, intellectual property office, Report 2011/6: 1-36.
- Block, J., Fisch, C., Sandner, P. (2014), Trademark families: characteristics and market values, *Journal of Brand Management* 21 (2), 150-170.
- Bloom, N., Van Reenen, J. (2002), Patents, real options and firm performance, *The Economic Journal*, 112:97-114.
- Cheng, Y. et.al., 2010. Profitability decided by patent quality? An empirical study of the U.S. semiconductor industry, *Scientometrics* 82: 175-183.
- Ernst., H., Conley, J., Omland, N. (2012), How to create commercial value from patents: The role of patent management, *Research Policy*: forthcoming.
- Greenhalgh, C., Rogers, M. (2012), Trade marks and performance in services and manufacturing firms: evidence of Schumpeterian competition through innovation, *The Australian Economic Review*, 45 (1): 50-76.
- Helmets, C., Rogers, M. (2010), Innovation and the survival of new firms in the UK, *Review of Industrial Organization* 36 (3), 227-248.
- Helmets, C., Rogers, M. (2011), Does patenting help high-tech start-ups? *Research Policy*, 40: 1016-1027.
- Kransnikov, A., Mishra, S. Orozco, D. (2009), Evaluating the financial impact of branding using trademarks: A framework and empirical evidence, *Journal of Marketing* 73: 154-166.
- Lichtenthaler, U. (2009), The role of corporate technology strategy and patent portfolios in low-, medium and high-technology firms, *Research Policy* 38(3): 559-569.
- Munari, F., Santoni, S. (2010), Exploiting complementarities in IPR mechanisms: the joint use of patents, trademarks and designs by SMEs, Paper presented at the Strategic Management Society Annual Conference, Rome, IT, September 9-12, 2010.
- Office for Harmonization in the Internal Market (2015), Intellectual Property Rights and Firms Performance in Europe: An Economic Analysis, Alicante, 6/2015.
- Rockett, K. (2010), Property rights and invention, in Hall, B.H., Rosenberg, N. (Eds.) *Handbook of The Economics of Innovation*, Vol. 1, Elsevier.
- Sandner, P., Block, J. (2011), The market value of R&D, patents, and trademarks, *Research Policy* 40 (7), 969-985.
- Srinivasan, R., Lilien, G.L., Rangaswamy, A. (2008), Survival of high tech firms: the effects of diversity of product-market portfolios, patents, and trademarks, *International Journal of Research in Marketing* 25 (2), 119-128.
- Thomä, J., Bizer, K. (2013), To protect or not to protect? Modes of appropriability in the small enterprise sector, *Research Policy* 42 (1), 35-49.